



NHỰA BÌNH MINH

Báo Cáo Thường Niên 2009

MỤC LỤC

Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	1
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Báo cáo của HĐQT	4
Báo cáo của Tổng Giám đốc	6
Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty	12
Trách nhiệm đối với xã hội, Môi trường và người lao động	16
Các sự kiện đáng chú ý trong năm	18
Các sản phẩm chính	20
Chiến lược phát triển trong 5 năm tiếp theo	21
Báo cáo tài chính năm - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	22
Giải trình báo cáo tài chính và báo cáo Kiểm toán	52
Hệ thống các chi nhánh, Công ty con liên doanh, liên kết và đầu tư	55
Thông tin về Cổ đông và Quản trị Công ty	56
Tổ chức và nhân sự	59
Hội đồng Quản trị	60
Ban kiểm soát	62
Phụ lục số liệu	63

TÂM NHÌN

Phần đầu giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất ống nhựa hàng đầu tại Việt Nam với phương châm

"Nhắc đến ống nhựa – Nhớ đến Bình Minh".

SỨ MỆNH

Bảo đảm hài hòa các lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động và luôn quan tâm đến cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Bảo tồn và phát huy các giá trị:

Văn hóa doanh nghiệp

Mạng lưới phân phối

Thương hiệu mạnh.



Thông Điệp Của Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý vị

Đồng hành cùng sự phát triển của khoa học kỹ thuật, các sản phẩm ống nhựa trên thế giới ngày nay càng trở nên đa dạng và được sử dụng trong nhiều lĩnh vực. Trên thị trường hiện tại và trong tương lai, ống nhựa vẫn là sản phẩm tối ưu mà chưa có vật liệu nào khác có thể thay thế.

Ở Việt Nam, Nhựa Bình Minh đã có lịch sử hơn 30 năm hình thành, phát triển và hiện là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh ống nhựa các loại.

Trong những năm qua, Nhựa Bình Minh đã gặt hái được nhiều thành quả đáng khích lệ. Đặc biệt là kết quả sản xuất kinh doanh rất đáng tự hào của năm 2009. Đó chính là niềm vui đồng thời là động lực to lớn giúp chúng tôi tự tin phát triển trong tương lai.

Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục làm hết sức mình, phấn đấu nỗ lực vì sự phát triển bền vững của Nhựa Bình Minh.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông và tất cả những khách hàng, đối tác đã quan tâm, hỗ trợ cho Nhựa Bình Minh trong suốt những năm qua. Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào.



Lê Quang Doanh
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Báo Cáo Hội Đồng Quản Trị



Phân tích & đánh giá tổng quan

Năm 2009 là năm mà nền kinh tế nước ta gặp rất nhiều khó khăn và có những biến chuyển khó lường do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy vậy, qua phân tích tình hình thực tế của ngành nhựa nói chung và của Nhựa Bình Minh nói riêng, Hội đồng quản trị Công ty vẫn luôn bình tĩnh và tự tin để vượt qua thử thách.

Thứ nhất, Nhựa Bình Minh có cơ cấu sản phẩm hợp lý trên cơ sở ổn định. Việt Nam là nước đang phát triển, cơ sở hạ tầng còn hạn chế và đòi hỏi phải đầu tư rất nhiều. Do vậy, nhu cầu về ống nhựa phục vụ cho thị trường xây dựng vẫn không ngừng tăng cao.

Thứ hai, Nhựa Bình Minh luôn tin tưởng vào nội lực của mình thông qua giá trị thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường, hệ thống nhà xưởng, thiết bị hiện đại tiên tiến cùng đội ngũ người lao động có trình độ tay nghề cao, bề dày kinh nghiệm và nhiều năm gắn bó với Công ty.

Các giải pháp đồng bộ

Từ những nhận định đó, Hội đồng Quản trị Công ty đã duy trì tốt các buổi họp định kỳ hàng quý và đột xuất nhằm đề ra những quyết sách, giải pháp phù hợp với từng giai đoạn phát triển trong sản xuất kinh doanh và linh hoạt khi tình hình thị trường có sự thay đổi.

Kết quả kinh doanh

Chính bằng sự tự tin và thận trọng trong từng bước phát triển mà năm 2009 Nhựa Bình Minh đã đạt được những kỷ lục cao nhất trong 32 năm qua: Doanh thu vượt ngưỡng 1.000 tỷ đồng và sản lượng vượt ngưỡng 35.000 tấn/năm.

Thực hiện nghị quyết ĐHCĐ

Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 với tỷ lệ 15% trên mệnh giá. Căn cứ vào tình hình thực tế trên thị trường chứng khoán và tình hình tài chính của Công ty, Hội đồng Quản trị đã quyết định lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thực hiện chia tách cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 1:1 vào cuối năm. Các nghị quyết khác của Đại hội cổ đông đều được Hội đồng Quản trị tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đúng thời hạn quy định.

Dự báo tình hình năm 2010

Bước sang năm 2010, tình hình kinh tế trong nước dự báo sẽ còn những biến động khó lường hơn. Diễn hình là ngay từ những ngày đầu năm, giá cả một số mặt hàng như điện, than, xăng dầu và nguyên vật liệu cho ngành nhựa đã liên tục tăng lên, điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên với sự trưởng thành hơn rất nhiều của tập thể công nhân lao động và đội ngũ lãnh đạo sau nhiều năm phấn đấu và không ngừng phát triển, đặc biệt là kể từ sau khi cổ phần hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Hội đồng Quản trị hy vọng Nhựa Bình Minh sẽ tiếp tục gặt hái được những thành quả tốt đẹp trong năm 2010 này. Hội đồng Quản trị cũng hoàn toàn tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Nhựa Bình Minh trong tương lai, đáp ứng được sự tín nhiệm của cổ đông, của người lao động và khách hàng, đối tác.

Trân trọng kính chào,



Lê Quang Doanh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Báo cáo của ban Tổng Giám Đốc

VỚI MỘT NĂM ĐẦY BIẾN ĐỘNG VÀ KHÓ KHĂN NHƯ 2008, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐÃ CÓ PHẦN CẦN TRỌNG KHI ĐẶT RA KẾ HOẠCH PHẤN ĐẤU CHO NĂM 2009 VỚI CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN TƯƠNG ĐƯƠNG SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ CÓ THỂ ÁP DỤNG CHIẾN LƯỢC ĐI NGANG TRONG BA NĂM.

Tuy nhiên, tư tưởng chỉ đạo của Hội đồng Quản trị vẫn là chuẩn bị nguồn lực, phân tích thời cơ, sẵn sàng nắm bắt cơ hội để tăng tốc. Ban Tổng Giám đốc đã lĩnh hội quan điểm này và tiến hành triển khai kế hoạch một cách linh hoạt sáng tạo thông qua các chính sách và giải pháp điều hành phù hợp.

Hệ thống giải pháp nội bộ

Giải pháp đầu tư

Nắm bắt nhu cầu thị trường tăng cao về phụ tùng ống uPVC, quyết định việc sử dụng kết quả đấu thầu gần nhất để trang bị 8 máy ép phun và 33 bộ khuôn phụ tùng, đưa vào vận hành một cách nhanh chóng để kịp thời cung cấp sản phẩm cho thị trường.

Giải pháp kỹ thuật

Thành lập các nhóm Công nghệ, nhóm Sản phẩm mới để nghiên cứu, thay đổi loại nguyên vật liệu trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới nhằm ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong năm 2009, Nhựa Bình Minh đã đưa ra thị trường ống dùng cho nước nóng và lạnh PP-R với màu xanh đặc thù. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định việc lựa chọn nhà cung ứng Blue Ocean của Anh Quốc để cung cấp toàn bộ 182 loại phụ tùng màu xanh dành riêng cho ống PP-R của Nhựa Bình Minh.

Sản phẩm được đồng bộ hóa và đạt tiêu chuẩn chất lượng cao nên đã tạo được uy tín và sự tin cậy của khách hàng ngay khi tham gia thị trường.



Báo cáo của ban Tổng Giám Đốc

Giải pháp cung ứng

Đặt mối quan hệ lâu dài với các nhà cung ứng quan trọng để luôn mua được nguyên vật liệu với giá tốt nhất và tận dụng được kho bãi chứa nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Ngoài ra, để tận dụng công suất thiết bị của hai nhà máy và Nhựa Bình Minh miền Bắc, để phòng việc thiếu lao động trong những dịp sau lễ, tết, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định thuê kho với diện tích và thời điểm phù hợp để chứa hàng hóa, đảm bảo nguồn hàng dồi dào để phân phối sản phẩm ra thị trường.

Giải pháp nhân sự

Công ty áp dụng việc thuê lao động bên ngoài theo dạng thời vụ nhằm đáp ứng cho nhu cầu trước mắt và có chính sách tuyển dụng bài bản cho nhu cầu dài hạn. Ban hành Quy chế về cán bộ tập sự để chuẩn bị nối tiếp cho tương lai, mở hội nghị chuyên sâu về chiến lược nguồn nhân lực nhằm cơ cấu lại hệ thống các phòng ban, nhà máy theo hướng tinh giảm về lượng nhưng chuyên sâu và hợp lý hoá về chất trên quy mô toàn Công ty, tạo tiền đề thuận lợi cho việc triển khai đồng loạt vào năm 2010.

Giải pháp thi đua

Đặt mục tiêu chất lượng của năm là phát huy trí tuệ tập thể qua phong trào thi đua sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa công việc với Quy chế xét duyệt sáng kiến mới được triển khai một cách linh hoạt và kịp thời đã thúc đẩy và tạo nên phong trào sôi nổi trong toàn Công ty với 195 sáng kiến đăng ký, làm lợi hàng tỷ đồng cho Công ty Nhựa Bình Minh. Điều quan



trọng là thông qua cuộc vận động này, tập thể cán bộ công nhân viên công ty càng phấn khởi và nâng cao tinh thần làm việc, nhiều sáng kiến đơn giản nhưng rất hay và có giá trị thực tiễn đã trở thành các giải pháp kỹ thuật, hỗ trợ đắc lực trong quản lý sản xuất và kinh doanh của toàn đơn vị.

Giải pháp đối với người lao động

Thường xuyên cải tiến các chế độ chính sách liên quan đến người lao động như trang bị đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, nâng lương, thưởng theo hệ số hiệu quả sản xuất kinh doanh; bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm đặc biệt cho các cán bộ quản lý trung và cao cấp. Sử dụng phúc lợi và tạo điều kiện cho người lao động tham quan, nghỉ mát, xúc tiến dự án xây nhà lưu trú cho công nhân thuê với giá ưu đãi... Tất cả đã tạo nên một nét đặc trưng về văn hóa doanh nghiệp của Nhựa Bình Minh. Đó là tinh thần tôn trọng quá khứ, đoàn kết tập thể và cùng chung tay xây dựng tương lai cho Nhựa Bình Minh.



Hệ thống giải pháp đối ngoại

Giải pháp kinh doanh

Nhựa Bình Minh đã tăng cường tiếp cận các dự án lớn bằng chính sách linh hoạt. Ưu đãi cho những khách hàng thân thiết. Ổn định giá bán trong năm, khuyến mãi theo từng giai đoạn, từng vùng cụ thể. Công ty luôn linh hoạt trong việc thanh toán đối với hệ thống phân phối, đảm bảo vừa giúp khách hàng phát triển kinh doanh, vừa thu hồi nợ một cách chắc chắn. Kiên quyết xử lý những trường hợp nợ quá hạn thông qua pháp luật.

Trước sự phát triển và thành lập mới của các đơn vị sản xuất cùng ngành nghề, Ban Tổng Giám đốc đã thúc đẩy việc mở rộng thị trường bằng cách phát triển hệ thống phân phối chủ lực trên cả nước. Tổng số cửa hàng của Nhựa Bình Minh đến nay là 400, tăng 34% so với năm trước.

Giải pháp tiếp thị

Công ty luôn tích cực, năng động trong sử dụng công cụ hội chợ, đặc biệt là chuỗi hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao để thương hiệu Nhựa Bình Minh luôn hiện diện tại các tỉnh, thành phố lớn của đất nước với kinh phí tiết kiệm mà vẫn mang lại hiệu quả. Quảng cáo nhắc lại trên một số phương tiện có lựa chọn như báo chí, đài truyền hình. Quảng cáo thường xuyên trên panô tại cầu Mỹ Thuận, tại một số địa điểm đẹp như các cửa ngõ vào thành phố với hình ảnh mang tính biểu tượng cao. Công ty đã tham gia và đạt những giải thưởng có uy tín như Hàng Việt Nam chất lượng cao, Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu Quốc gia.

Với những nỗ lực trên, thành quả đạt được trong năm 2009 là rất ấn tượng với gần 1.100 tỷ doanh thu, đạt 39.000 tấn sản phẩm tiêu thụ với 250 tỷ lợi nhuận sau thuế. Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện tích cực chủ trương của Hội đồng Quản trị Công ty là Nhựa Bình Minh không chỉ phát triển mà còn phải phát triển bền vững với mức tăng trưởng bình quân 10 đến 15%/năm.

Báo cáo của ban Tổng Giám Đốc

Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu

Khả năng thanh toán

		2009	2008	2007
1. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.93	1.99	2.79
2. Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3.77	4.45	4.61

Khả năng sinh lời

		2009	2008	2007
1. Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	%	29.44	22.78	20.88
2. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD / Doanh thu thuần	%	24.81	13.63	16.24
3. Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	21.86	11.68	14.12

Cơ cấu vốn

		2009	2008	2007
1. Nợ dài hạn / Vốn chủ sở hữu	%	0.15	0.16	0.13
2. Tổng nợ / Tổng tài sản	%	17.81	13.72	15.30

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

		2009	2008	2007
1. Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1.39	1.45	1.37
2. Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2.08	2.40	1.95
3. Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3.52	3.88	2.06

Các chỉ tiêu cơ bản khác

		2009	2008	2007
1. ROE	%	37.20	19.97	23.19
2. ROA	%	30.32	16.95	19.29
3. EPS		7,246	2,928	3,055



Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành qua các năm cho thấy Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn từ 1,93 lần trở lên, nhanh chóng đáp ứng vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của công ty là khá cao đặc biệt là trong năm 2009, do doanh thu năm 2009 tăng 39% và chi phí nguyên vật liệu đầu vào giảm gần 18% so với năm 2008.

Cơ cấu vốn

Việc nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu cũng như tổng nợ trên tổng tài sản chiếm một tỷ lệ rất nhỏ cho thấy công ty có tỷ lệ nợ dài hạn rất thấp, tình hình tài chính lành mạnh, rủi ro do mất khả năng thanh toán là rất khó xảy ra. Điều này cho thấy công ty sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý và an toàn. Trong tổng nợ, chủ yếu Công ty vay các khoản vay ngắn hạn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Có thể thấy các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đạt được với tỷ lệ tốt và được duy trì qua các năm.

Các chỉ tiêu cơ bản khác

So sánh các chỉ tiêu ROE, ROA qua 03 năm cho thấy Công ty có các tỷ suất lợi nhuận khá cao và tương đối ổn định, đặc biệt là trong năm 2009.

Mức thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của công ty cũng có được sự duy trì ổn định ở mức tương đối cao, đặc biệt là năm 2009 EPS gấp gần 2,5 lần các năm trước đó. Để so sánh được EPS của các năm, EPS năm 2007 và năm 2008 đã được điều chỉnh do hồi tố 17.384.596 cổ phiếu thưởng cho cổ đông trong năm 2009 (EPS năm 2007 và 2008 trước khi điều chỉnh để so sánh lần lượt là 6.836 và 6.237).

Lịch sử hình thành và phát triển Công ty



Tóm lược lịch sử

GIAI ĐOẠN TỪ 1977 ĐẾN 1985

HÌNH THÀNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Ngày 16 tháng 11 năm 1977: Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ra quyết định số 1488/QĐ-UB chấp nhận hai Công ty ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) ở số 139 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và Công ty Nhựa Kiểu Tĩnh ở số 301-309 đường 54 (nay là số 57 đường Nguyễn Đình Chi) được công tư hợp doanh với nhà nước lấy tên gọi là “NHÀ MÁY CÔNG TƯ HỢP DOANH NHỰA BÌNH MINH” trực thuộc Tổng Công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ. **Ngày 16/11/1977:** được chính thức công nhận là ngày thành lập Công ty.

Năm 1984, Nhựa Bình Minh nghiên cứu và sản xuất thành công chiếc bình phun thuốc trừ sâu đầu tiên.

Năm 1985: Sản xuất thành công nón Bảo hộ lao động và các thiết bị y tế.

GIAI ĐOẠN TỪ 1986 ĐẾN 1996

ĐẦU TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT - ĐỊNH HÌNH CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC

Năm 1986: Sản xuất ống nhựa phục vụ chương trình nước sạch nông thôn của Unicef.

Theo quyết định số 86/CNn-TCLĐ ngày 08 tháng 02 năm 1990 của Bộ Công nghiệp nhẹ quyết định thành lập Xí nghiệp khoa học sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị thành viên trực thuộc Liên hiệp sản xuất - xuất nhập khẩu Nhựa - Bộ Công nghiệp nhẹ (tên viết tắt là VINAPLAST: tiền thân của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam sau này).

Năm 1990: Chuyển đổi hoàn toàn sang sản xuất ống nhựa trên các dây chuyền thiết bị của Hàn Quốc.

Theo quyết định số 1434/CNn-TCLĐ ngày 03 tháng 11 năm 1994 của Bộ Công nghiệp nhẹ quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Nhựa Bình Minh tên giao dịch là BMPLASCO.



GIAI ĐOẠN TỪ 1997 ĐẾN NAY

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU, ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ HIỆU QUẢ

Năm 1998: Công ty đầu tư 2 dàn máy đùn hiện đại của Kraussmaffei (Đức) và Cincinnati (Áo). Đây là những dây chuyền sản xuất ống lớn nhất và hiện đại nhất được nhập về Việt Nam lúc bấy giờ.

Ngày 05/6/1999, nhà máy 2 Công ty Nhựa Bình Minh tại Số 7 đường số 2 Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 – Thị trấn Dĩ An – Tỉnh Bình Dương được khánh thành, có tổng diện tích 20.000 m² với trang thiết bị hiện đại của các nước Châu Âu.

Năm 2000: Công ty đạt chứng nhận Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

Năm 2001 Công ty mở rộng diện tích nhà máy 2 lên 30.000 m².

Ngày 16/11/2002: Lễ kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty được long trọng tổ chức tại Công viên văn hóa Đầm Sen – Tp. HCM.

Ngày 05/3/2003: Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 18/2003/QĐ chuyển Công ty Nhựa Bình Minh về trực thuộc Bộ Công nghiệp và cổ phần hóa Công ty trong năm 2003.

Ngày 04/12/2003: Công ty Nhựa Bình Minh được chuyển thành Công ty cổ phần nhựa Bình Minh theo Quyết định 209/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

Kể từ ngày 02/01/2004: Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02/01/2004 với tên giao dịch là Bình Minh Plastic Joint - Stock Company. Tên viết tắt là BMPLASCO.

Năm 2004: Khánh thành kho thành phẩm rộng 10.000m² tại Nhà máy 2 – nâng tổng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

Tháng 10/2005: Công ty tổ chức bán đấu giá 25% cổ phần do nhà nước nắm giữ thông qua thị trường chứng khoán theo quyết định của Bộ Công nghiệp và Bộ Tài chính. Giảm tỷ lệ nắm giữ của Nhà nước tại Công ty xuống còn 39,47%.

Ngày 11/7/2006: Đã trở thành ngày có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước phát triển tiếp theo của Nhựa Bình Minh khi cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP theo giấy phép niêm yết số 49/UBCK-GPNY do UBCK Nhà nước cấp ngày 12/6/2006.

Tháng 10/2006: Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu thu về trên 123 tỷ đồng để đầu tư cho nhà máy mới tại miền Bắc.

Năm 2007: Là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của Công ty. Ngày 16/11/2007 Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty và đón nhận Huân chương độc lập hạng III được long trọng tổ chức tại Dinh Thống Nhất.

Tháng 12/2007: Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc chính thức đi vào hoạt động tại Khu công nghiệp Phố Nối A, Tỉnh Hưng Yên.

Các lần thay đổi giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

Đăng ký lần đầu ngày 02/01/2004 vốn điều lệ là 107.180.000.000 đồng.

Thay đổi lần thứ 1 ngày 27/11/2006, tăng vốn điều lệ lên 147.908.400.000 đồng.

Thay đổi lần thứ 2 ngày 01/08/2008, tăng vốn điều lệ lên 175.989.560.000 đồng.

Thay đổi lần thứ 3 ngày 06/02/2010, tăng vốn điều lệ lên 349.835.520.000 đồng.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong quá trình phát triển, Công ty đã đạt được những thành tích như sau:

Huân chương Lao động hạng Ba năm 1988.

Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1996.

Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2002.

Huân chương Độc lập Hạng Ba trong năm 2005.

Thương hiệu Nhựa Bình Minh đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” 13 năm liền (1997-2009).

Giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” năm 2003, 2005, 2007, 2008, 2009.

Thương hiệu quốc gia năm 2008.



Trách nhiệm đối với xã hội,
Môi trường & người lao động



VINH DỰ ĐƯỢC CHỌN LÀM THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA TỪ NĂM 2008,
NGOÀI VIỆC NỖ LỰC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH, NHỰA
BÌNH MINH LUÔN CHÚ TRỌNG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI
LAO ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI.

Các hoạt động từ thiện truyền thống hằng năm của công ty luôn được người lao động nhiệt tình hưởng ứng, điển hình như:

- » Phong trào Hiến máu nhân đạo.
- » Đóng góp kinh phí xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa.
- » Nuôi dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh nặng.
- » Tặng quà vào các dịp lễ, tết cho trẻ em nghèo, mồ côi, bệnh tật.
- » Quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt...



Ngoài việc trả lương, thưởng hằng tháng, hằng năm cho người lao động, Công ty còn có các chương trình được tổ chức thường xuyên nhằm khuyến khích, động viên và gắn kết người lao động như:

- » Tổ chức các chương trình tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng hằng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Tổ chức Ngày hội thể thao toàn Công ty. Hỗ trợ học phí, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, tay nghề.
- » Thành lập quỹ Học bổng Nguyễn Hữu Cảnh và tổ chức các chương trình trại hè hằng năm cho con em cán bộ công nhân viên đạt thành tích cao trong học tập.
- » Tặng quà ngày tết thiếu nhi, trung thu cho toàn thể con em Cán bộ công nhân viên Công ty.
- » Tặng quà ngày 08/3, ngày 20/10 cho các cán bộ công nhân viên nữ.
- » Tặng quà ngày 22/12 cho cán bộ công nhân viên từng là quân nhân và các lực lượng vũ trang.

Các sự kiện đáng chú ý trong năm

LỄ KỶ NIỆM 10 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NHÀ MÁY 2 .

TỔ CHỨC HỌP MẶT KHÁCH HÀNG ĐẦU NĂM.

ĐƯỢC NHẬN CỜ THI ĐUA CỦA LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CHO PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ
TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỮNG MẠNH.

ĐƯỢC NHẬN CỜ THI ĐUA CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG DÀNH CHO
ĐƠN VỊ “SẢN XUẤT GIỎI VƯỢT KẾ HOẠCH”.

ĐOẠT GIẢI THƯỞNG “HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO”
LẦN THỨ 13.

ĐOẠT GIẢI THƯỞNG “SAO VÀNG ĐẤT VIỆT” LẦN THỨ TƯ.

ĐƯỢC TRAO DANH HIỆU “CỔ PHIẾU UY TÍN” NĂM 2009.

HỘI THẢO NHỰA BÌNH MINH - TẦM NHÌN 2015.

ĐẦU TƯ THIẾT BỊ SẢN XUẤT ỐNG uPVC ĐƯỜNG KÍNH ĐẾN 630MM.

TIẾP XÚC CÁC QUỸ, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN: 3 LẦN TRONG NĂM.



TỔ CHỨC HỘI THAO PCCC TOÀN CÔNG TY.

TỔ CHỨC ĐI BỘ ỦNG HỘ CHƯƠNG TRÌNH NGƯỜI
“VIỆT NAM DỪNG HÀNG VIỆT NAM”.

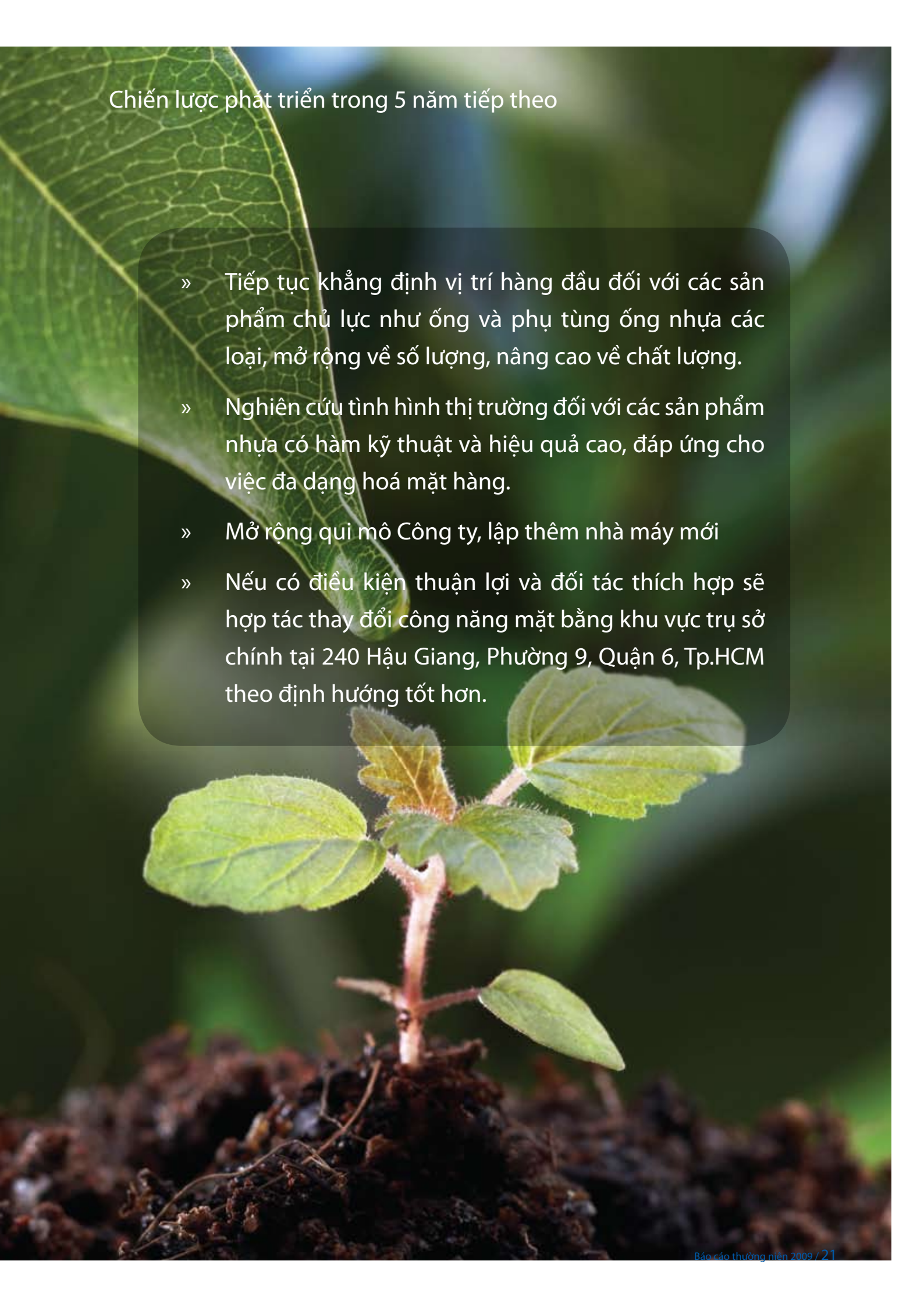
TỔ CHỨC NGÀY CHỦ NHẬT SẠCH & XANH.



Các sản phẩm chính



- » Ống và phụ tùng ống uPVC dùng cho cấp thoát nước
- » Ống và phụ tùng ống HDPE trơn dùng cho cấp nước
- » Ống và phụ tùng ống HDPE gân dùng cho thoát nước
- » Ống và phụ tùng ống PP-R dùng cho nước nóng và lạnh
- » Bình xịt các loại và nón Bảo hộ lao động.



Chiến lược phát triển trong 5 năm tiếp theo

- » Tiếp tục khẳng định vị trí hàng đầu đối với các sản phẩm chủ lực như ống và phụ tùng ống nhựa các loại, mở rộng về số lượng, nâng cao về chất lượng.
- » Nghiên cứu tình hình thị trường đối với các sản phẩm nhựa có hàm kỹ thuật và hiệu quả cao, đáp ứng cho việc đa dạng hoá mặt hàng.
- » Mở rộng qui mô Công ty, lập thêm nhà máy mới
- » Nếu có điều kiện thuận lợi và đối tác thích hợp sẽ hợp tác thay đổi công năng mặt bằng khu vực trụ sở chính tại 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Tp.HCM theo định hướng tốt hơn.

Báo cáo tài chính

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



Báo cáo của ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 08 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100 %

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 06/02/2010, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ tăng lên là 349.835.520.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên
Bà Trang Thị Kiều Hậu	Thành viên
Ông Bùi Quang Khôi	Thành viên

Báo cáo của ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám Đốc:

Ông Lê Quang Doanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Kim Thượng	Thành viên
Bà Đinh Thị Nguyệt Hà	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Quang Doanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 12 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được lập ngày 20/01/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Giám đốc**



Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		550.256.649.595	341.932.626.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	94.337.022.992	18.123.438.970
1. Tiền	111		38.437.022.992	18.123.438.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.900.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.400.000.000	13.431.818.180
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.000.000.000	22.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.600.000.000)	(8.568.181.820)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.653.360.094	90.364.767.351
1. Phải thu khách hàng	131		127.400.349.590	81.471.087.232
2. Trả trước cho người bán	132		6.933.599.354	7.718.732.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.418.818.188	1.940.219.275
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.099.407.038)	(765.271.949)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	269.550.928.865	188.776.434.609
1. Hàng tồn kho	141		269.550.928.865	188.776.434.609
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.315.337.644	31.236.167.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.010.015.800	780.324.833
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.451.177.852	12.191.890.314
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	28.854.143.992	18.263.952.395
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.993.154.757	224.078.143.434
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		265.580.812.749	217.556.615.621
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	233.425.237.707	186.637.101.649
- Nguyên giá	222		472.707.999.830	382.074.618.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.282.762.123)	(195.437.516.607)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	32.130.105.042	30.894.043.972
- Nguyên giá	228		35.996.185.657	33.997.873.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.866.080.615)	(3.103.829.935)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	25.470.000	25.470.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	8.155.000.000	6.465.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		8.155.000.000	8.155.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(1.690.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		257.342.008	56.527.813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	257.342.008	56.527.813
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		824.249.804.352	566.010.770.086

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.826.415.418	77.654.687.036
I. Nợ ngắn hạn	310		145.787.992.107	76.899.460.618
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	11.260.221.392	48.535.244.221
2. Phải trả người bán	312		111.254.152.062	13.236.860.440
3. Người mua trả tiền trước	313		881.772.274	184.013.198
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	7.082.650.560	6.818.509.499
5. Phải trả người lao động	315		8.298.486.044	3.175.929.891
6. Chi phí phải trả	316	V.12	5.307.137.716	3.091.759.193
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	1.703.572.059	1.857.144.176
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.038.423.311	755.226.418
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.038.423.311	755.226.418
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		677.423.388.934	488.356.083.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	671.905.016.816	480.230.327.200
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		347.691.920.000	169.558.760.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	104.020.925.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	(10.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		130.864.228.602	135.013.567.797
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		18.485.564.387	19.189.415.176
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		16.796.149.211	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		156.474.371.916	52.447.669.227
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.518.372.118	8.125.755.850
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.518.372.118	8.125.755.850
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		824.249.804.352	566.010.770.086

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		93.064,23	78.757,54
+ EUR		2.085,90	4.494,46
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Trang Thị Kiều Hậu

Tổng Giám đốc



Lê Quang Doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.156.149.641.356	831.577.610.647
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.995.957.619	10.613.629.141
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.143.153.683.737	820.963.981.506
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	806.603.438.469	633.926.705.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		336.550.245.268	187.037.275.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.173.819.971	1.632.773.116
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	3.348.265.069	23.773.627.973
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.229.277.877	10.235.582.959
8. Chi phí bán hàng	24		25.271.305.819	25.476.130.958
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.447.926.885	27.525.733.449
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		283.656.567.466	111.894.556.250
11. Thu nhập khác	31		1.528.309.440	2.238.651.336
12. Chi phí khác	32		20.659.406	266.523
13. Lợi nhuận khác	40		1.507.650.034	2.238.384.813
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		285.164.217.500	114.132.941.063
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	35.445.777.279	18.266.484.649
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(200.814.195)	(56.527.813)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		249.919.254.416	95.922.984.227
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			249.919.254.416	95.922.984.227
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	7.246	2.928

Người lập biểu



Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng



Trang Thị Kiều Hậu

Tổng Giám đốc



Lê Quang Doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			285.164.217.500	114.132.941.063
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		44.928.770.996	35.899.727.311
- Các khoản dự phòng	03		(4.324.046.731)	10.717.423.470
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		91.410.138	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.132.325.450)	(588.488.020)
- Chi phí lãi vay	06		2.229.277.877	10.235.582.959
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		323.957.304.330	170.397.186.783
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(36.286.667.965)	52.405.446.389
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(80.774.494.256)	(50.522.589.864)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		102.314.753.648	(39.078.168.375)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(229.690.967)	(780.324.833)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.189.037.844)	(9.776.615.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(31.219.615.692)	(22.078.125.322)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		17.262.902.633	33.869.244.653
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(51.758.929.562)	(39.223.829.267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		241.076.524.325	95.212.224.255
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(92.977.968.124)	(104.747.171.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	24.359.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	150.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(8.125.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.132.325.450	564.128.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(89.845.642.674)	(112.133.683.853)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.808.182.700	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.366.370.074	214.490.875.199
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(90.641.392.903)	(170.555.630.978)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.550.457.500)	(16.955.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.017.297.629)	26.979.359.221
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		76.213.584.022	10.057.899.623
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.123.438.970	8.065.539.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		94.337.022.992	18.123.438.970

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Hữu Luận



Trang Thị Kiều Hậu




Lê Quang Doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 08 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 09, Quận 06, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có công ty con sau:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100 %

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất : các số dư trong nội bộ Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị được đầu tư.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	41 – 50 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	451.409.331	457.993.298
Tiền gửi ngân hàng	37.985.613.661	17.665.445.672
Các khoản tương đương tiền	55.900.000.000	-
Cộng	94.337.022.992	18.123.438.970

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt - 180 Chứng chỉ quỹ	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Công ty CP Nhựa Tân Tiến - 20.000 cổ phiếu (mệnh giá: 100.000 đồng)	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.600.000.000)	(8.568.181.820)
Cộng	17.400.000.000	13.431.818.180

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-	1.120.995.600
Bảo hiểm xã hội phải thu nhân viên	120.104.871	40.597.475
Cho mượn nguyên vật liệu	1.127.582.064	572.880.000
Cho Công đoàn Công ty mượn tiền	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải thu khác	21.131.253	55.746.200
Cộng	1.418.818.188	1.940.219.275

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

4. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	48.864.389.466	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.695.255.330	67.932.349.844
Công cụ, dụng cụ	1.209.649.032	842.483.834
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.632.446.572	45.142.994.668
Thành phẩm	67.527.084.149	71.093.994.210
Hàng hoá	15.622.104.316	3.764.612.053
Cộng giá gốc hàng tồn kho	269.550.928.865	188.776.434.609
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	269.550.928.865	188.776.434.609

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	93.230.000	164.355.000
Ký quỹ, ký cược (*)	28.646.045.830	17.259.702.633
Tài sản thiếu chờ xử lý	114.868.162	839.894.762
Cộng	28.854.143.992	18.263.952.395

(*) Chi tiết ký quỹ ký cược tại ngày 31/12/2009 như sau:

Ngân hàng ký quỹ	Mục đích ký quỹ	Nguyên tệ	Số tiền VND
Ngân hàng Công thương Chi nhánh 06	Ký quỹ thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu và khuôn phụ tùng ổng	1,028,869.96 USD	18.458.955.952
Ngân hàng Công thương Chi nhánh 06	Ký quỹ thanh toán nhập khẩu thiết bị hoàn chỉnh sản xuất ổng		9.560.087.877
Ngân hàng ngoại thương	Ký quỹ thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu		627.002.001
Cộng			28.646.045.830

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	66.762.799.158	307.203.772.893	6.343.922.597	1.764.123.608	382.074.618.256
Số tăng trong năm	-	85.852.017.586	3.200.174.125	1.927.464.663	90.979.656.374
- Mua sắm mới	-	85.852.017.586	3.200.174.125	1.927.464.663	90.979.656.374
Số giảm trong năm	-	346.274.800	-	-	346.274.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	346.274.800	-	-	346.274.800
Số dư cuối năm	66.762.799.158	392.709.515.679	9.544.096.722	3.691.588.271	472.707.999.830
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	34.226.251.791	155.635.299.372	4.313.315.309	1.262.650.135	195.437.516.607
Khấu hao trong năm	5.780.573.706	37.668.594.448	494.225.808	223.126.354	44.166.520.316
Số giảm trong năm	-	321.274.800	-	-	321.274.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	321.274.800	-	-	321.274.800
Số dư cuối năm	40.006.825.497	192.982.619.020	4.807.541.117	1.485.776.489	239.282.762.123
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	32.536.547.367	151.568.473.521	2.030.607.288	501.473.473	186.637.101.649
Tại ngày cuối năm	26.755.973.661	199.726.896.659	4.736.555.605	2.205.811.782	233.425.237.707

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND
	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	33.997.873.907
Số tăng trong năm	1.998.311.750
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	35.996.185.657
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.103.829.935
Khấu hao trong năm	762.250.680
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	3.866.080.615
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	30.894.043.972
Tại ngày cuối năm	32.130.105.042

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí khảo sát Nhà máy ép phun tại Sóng Thần	25.470.000	25.470.000
Cộng	25.470.000	25.470.000

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	8.155.000.000	8.155.000.000
- Đầu tư cổ phiếu - Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (650.000 cổ phiếu)	8.125.000.000	8.125.000.000
- Công trái	30.000.000	30.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.690.000.000)
Cộng	8.155.000.000	6.465.000.000

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.260.221.392	48.535.244.221
+ Vay ngân hàng (*)	2.370.221.392	43.345.244.221
+ Vay cá nhân (**)	8.890.000.000	5.190.000.000
Cộng	11.260.221.392	48.535.244.221

(*) Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng vay	Lãi suất vay/ năm	Thời hạn vay Tháng/ năm	Số dư nợ gốc (USD)	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức bảo đảm khoản vay
09.340071/HĐTD ngày 13/08/2009	3,00%	6 tháng	40.000	717.640.000	Thế chấp tài khoản tiền gửi
09.340074/HĐTD ngày 14/08/2009	3,00%	6 tháng	92.112	1.652.581.392	Thế chấp tài khoản tiền gửi
Cộng			132.112	2.370.221.392	

(**) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cùng thời điểm.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	162.066.074	3.563.279.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.203.321.499	1.960.505.003
Thuế thu nhập cá nhân	717.262.987	1.294.724.607
Cộng	7.082.650.560	6.818.509.499

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

12. Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí giảm giá, hỗ trợ khách hàng	4.802.342.633	2.534.838.067
Chi phí lãi vay	499.207.083	458.967.050
Chi phí phải trả khác	5.588.000	97.954.076
Cộng	5.307.137.716	3.091.759.193

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	41.115.502	1.053.593.509
Kinh phí công đoàn	718.703.728	465.428.667
Bảo hiểm xã hội	57.639.924	-
Cổ tức phải trả	335.122.000	335.122.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	550.990.905	3.000.000
Cộng	1.703.572.059	1.857.144.176

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	278.335.931	56.527.813
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(20.993.923)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	257.342.008	56.527.813

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	140.405.800.000	104.020.925.000	-	102.404.249.703	12.889.415.176	-	54.290.008.046
- Lãi trong năm trước							95.922.984.227
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.081.160.000						(28.081.160.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ			(10.000)				
- Phân phối lợi nhuận	1.071.800.000	-	-	32.609.318.094	6.300.000.000	-	(50.486.118.094)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				32.609.318.094			(32.609.318.094)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					6.300.000.000		(6.300.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi							(10.505.000.000)
+ Thưởng ESOP	1.071.800.000						(1.071.800.000)
- Chia cổ tức							(16.955.875.000)
- Giảm khác						-	(2.242.169.952)
Số dư cuối năm trước	169.558.760.000	104.020.925.000	(10.000)	135.013.567.797	19.189.415.176	-	52.447.669.227

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH
						Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Lãi trong năm nay						249.919.254.416
- Tăng vốn trong năm nay	3.215.400.000	1.592.782.700				
- Chia cổ phiếu thưởng	173.845.960.000	(104.020.925.000)		(69.825.035.000)		
- Phân phối lợi nhuận	1.071.800.000	-	-	65.675.695.805	(703.850.789)	(100.791.794.227)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				65.675.695.805		(65.675.695.805)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(17.300.000.000)
+ Hoàn nhận quỹ dự phòng tài chính trích thừa					(703.850.789)	703.850.789
+ Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					16.796.149.211	(16.796.149.211)
+ Thuởng ESOP	1.071.800.000					(1.071.800.000)
+ Thuởng cho HĐQT và BKS năm 2008						(652.000.000)
- Chia cổ tức						(42.550.457.500)
- Bán cổ phiếu quỹ			10.000			-
- Các khoản chi thưởng cho khách hàng						(2.550.300.000)
Số dư cuối năm nay	347.691.920.000	1.592.782.700	-	130.864.228.602	18.485.564.387	16.796.149.211
						156.474.371.916

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	%	01/01/2009	%
	VND		VND	
Vốn góp của Nhà nước	101.526.960.000	29	53.426.680.000	32
Vốn góp của các đối tượng khác	246.164.960.000	71	116.132.080.000	68
Cộng	347.691.920.000	100	169.558.760.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	169.558.760.000	140.405.800.000
Vốn góp tăng trong năm	178.133.160.000	29.152.960.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	347.691.920.000	169.558.760.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	42.550.457.500	45.037.035.000
Trong đó:		
+ Bằng tiền	42.550.457.500	16.955.875.000
+ Bằng cổ phiếu	-	28.081.160.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.598.956	17.598.956
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.769.192	16.955.876
- Cổ phiếu phổ thông	34.769.192	16.955.876
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1
- Cổ phiếu phổ thông	-	1
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.384.596	16.955.875
- Cổ phiếu phổ thông	17.384.596	16.955.875

– Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.156.149.641.356	831.577.610.647
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.155.079.648.215	821.830.727.783
- Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.069.993.141	9.746.882.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12.995.957.619	10.613.629.141
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	11.286.962.766	10.081.194.710
- Hàng bán bị trả lại	1.692.903.886	334.755.115
- Giảm giá hàng bán	16.090.967	197.679.316
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.143.153.683.737	820.963.981.506
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.142.517.518.024	811.480.790.147
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	636.165.713	9.483.191.359
4. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm vật tư, hàng hóa đã bán	806.347.768.324	633.926.705.992
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	255.670.145	-
Cộng	806.603.438.469	633.926.705.992
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.282.325.450	1.302.050.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	850.000.000	80.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.494.521	250.722.223
Cộng	4.173.819.971	1.632.773.116

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.229.277.877	10.235.582.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.403.665.382	1.599.820.088
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	91.410.138	-
Chiết khấu thanh toán	3.282.093.492	1.680.043.106
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(4.658.181.820)	10.258.181.820
Cộng	3.348.265.069	23.773.627.973

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng đối với Công ty mẹ: Theo thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003, Công ty được miễn thuế 2 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2004 và 2005) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2006, 2007 và 2008).

Ngoài ra, theo quy định của Nhà nước, các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 01/01/2007 sẽ được giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm tiếp theo sau khi hết thời gian miễn, giảm theo Luật thuế TNDN. Năm 2009 Công ty vẫn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.445.777.279	18.266.484.649

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.993.923	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(221.808.118)	(56.527.813)
Cộng	(200.814.195)	(56.527.813)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2009

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	249.919.254.416	95.922.984.227
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	249.919.254.416	95.922.984.227
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34.492.580	32.764.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.246	2.928

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	674.907.305.858	626.883.718.200
Chi phí nhân công	60.553.456.450	48.741.115.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.928.770.996	34.014.454.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.621.509.826	30.780.678.956
Chi phí khác bằng tiền	14.970.948.800	19.034.726.596
Cộng	832.981.991.930	759.454.693.391

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Hữu Luận

Trang Thị Kiều Hậu

Lê Quang Doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Giải trình báo cáo Tài chính và báo cáo Kiểm toán



Kính thưa Quý Cổ đông

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2008 – 2013 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 bầu ra gồm 3 thành viên. Tất cả đều công tác tại Nhựa Bình Minh và được đào tạo về công tác kiểm toán nội bộ. Qua một năm hoạt động, chúng tôi xin gửi đến Quý cổ đông nội dung chúng tôi đã thực hiện như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2009

Trong năm 2009, tất cả các thành viên của Ban kiểm soát đã tham dự 06 buổi họp thường kỳ để:

Kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán, quản lý doanh thu, chi phí thông qua việc kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý và cả năm của Công ty.

Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị về việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, thực hiện các dự án đầu tư.

Thông báo cho các thành viên trong Ban về tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và kế hoạch của quý sau.

Đóng góp ý kiến cho hoạt động của Ban kiểm soát, hoạt động của Công ty.

Kiểm tra việc thực hiện điều lệ và nghị quyết của Đại hội Cổ đông năm 2009.

Các thành viên Ban kiểm soát tham gia vào công tác kiểm tra định kỳ của Công ty vào 2 đợt ngày 01/7/2009 và 01/01/2010.

Ban kiểm soát đảm bảo đã làm việc theo đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP nhựa Bình Minh.



KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2009

Hoạt động Sản xuất kinh doanh, chi trả cổ tức, thù lao:

Trong tình hình kinh tế chung cả nước vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, với sản lượng và doanh thu tiêu thụ ngày một tăng như hiện nay là một tín hiệu đáng mừng cho Công ty. Nếu ở 2 tháng đầu năm tình hình tiêu thụ ảm đạm, sản lượng chỉ đạt hơn 80% so với cùng kỳ 2008, thì ở những tháng cuối năm 2009, mức tiêu thụ mỗi tháng tăng vượt bậc, đạt mức kỷ lục mới đưa sản lượng tiêu thụ năm 2009 bằng 128%, doanh thu bằng 139% so với cùng kỳ năm 2008.

Để đạt được điều này là cả sự cố gắng vượt bậc của toàn thể CB-CNV Công ty, sự nỗ lực, sáng tạo trong điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ chủ chốt của Công ty. So với chỉ tiêu được Đại hội Cổ đông năm 2009 thông qua ngày 17/4/2009, số liệu thực hiện cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Theo nghị quyết	Thực hiện	Tỉ lệ%
	Doanh thu	820 tỉ	1.143 tỉ	139
	Lợi nhuận trước thuế	105 tỉ	285 tỉ	271
	Cổ tức	20%	15%	75
	Thù lao của HĐQT và BKS	1,5% tổng quỹ lương	1,5% tổng quỹ lương	100
	Tiền thưởng cho HĐQT và BKS	Không vượt quá thù lao	Không vượt quá thù lao	100

Giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán



Hoạt động Tài chính:

Công ty đã tuân thủ đúng quy định của luật Kế toán, luật Thuế và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Các khoản hạch toán minh bạch, rõ ràng, cụ thể như sau:

Về nguồn vốn:

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2009 là 347.691.920.000 đồng tăng 105% so với đầu năm 2009 do:

Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ Đầu tư phát triển sản xuất đến thời điểm 31/12/2008 theo quyết định của Đại hội cổ đông Công ty CP Nhựa Bình Minh số 24/QĐ-BMP/ĐHCĐ/2010 ngày 22/01/2010.

Phát hành cổ phiếu bằng 3% vốn điều lệ năm 2006 theo chương trình cổ phiếu ưu đãi cho người lao động Nhựa Bình Minh Miền Bắc theo nghị quyết của Đại hội cổ đông 2006 và Hội đồng Quản trị ngày 08/7/2009.

Bổ sung cổ phiếu ESOP năm 2008 là 2% (trong đó có 1% cổ phiếu thưởng) theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông 2006.

Việc trích lập các quỹ được thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội cổ đông 2009.

Công ty kiểm soát tốt và sử dụng có hiệu quả các khoản vay, hiện tổng nợ phải trả 145 tỉ đồng/ tổng giá trị tài sản 831 tỉ, chủ yếu là nợ ngắn hạn, nợ dài hạn không đáng kể.

Về quản lý tiền, doanh thu, chi phí:

Việc kiểm soát các khoản phải thu được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Công ty, trích lập dự phòng cho các khoản phải thu thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Các quy trình xử lý nghiệp vụ của Công ty được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000: do đó Công ty kiểm soát tốt các chi phí.

Về hoạt động đầu tư

Đầu tư tài chính:

Ngoại trừ các khoản đã đầu tư ở các năm trước, trong năm 2009 Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư tài chính nào.

Đầu tư tài sản:

Trong năm 2009, Công ty đã đầu tư vào máy móc thiết bị, khuôn mẫu, nhà xưởng để tăng cường năng lực sản xuất bằng nguồn vốn tự có của Công ty. Tổng giá trị đầu tư là 90,889 tỉ đồng. Tất cả các dự án đầu tư đều được Hội đồng Quản trị thông qua theo đúng quy định của Điều lệ.



Phân phối cổ phiếu thưởng ESOP:

Trong năm 2009 Công ty đã tiến hành việc phân phối cổ phiếu thưởng ESOP cho CB-CNV với tổng số 107.180 cổ phiếu. Việc bình chọn được căn cứ vào thành tích đóng góp của từng cá nhân và tiến hành từ các tổ sản xuất đúng theo quyết định số 602/QĐ-BM/HĐQT/2006 của HĐQT Công ty ngày 01/11/2006 về việc ban hành quy chế thực hiện chương trình cổ phiếu thưởng ESOP và nghị quyết của ĐHCĐ ngày 10/6/2006.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện chương trình cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV Nhựa Bình Minh Miền Bắc với tổng số 321.540 cổ phiếu trong vòng 3 năm (2008 – 2011) theo nghị quyết của ĐHCĐ ngày 10/6/2006

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2009, giao dịch của cổ đông nội bộ đều tuân thủ theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Ngân – Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, đã bán 60.000 cổ phiếu, hiện còn giữ: 101.854 cổ phiếu.

Bà Nguyễn Thị Kim Yến – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, đã bán 30.000 cổ phiếu, hiện còn giữ: 69.112 cổ phiếu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2009

Đơn vị kiểm toán của Công ty trong năm 2009 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), là 1 trong 4 đơn vị kiểm toán được Đại hội cổ đông năm 2009 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, chúng tôi nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhựa Bình Minh là một trong những thương hiệu lớn có uy tín trong ngành sản xuất ống nhựa tại Việt Nam. Với năng lực về máy móc thiết bị ngày càng được bổ sung và hiện đại hóa, sự quan tâm đầu tư đúng mức cho lực lượng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2009 là minh chứng cho định hướng và chỉ đạo sáng suốt của HĐQT, sự đoàn kết nhất trí trong Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty. Với tiềm năng sẵn có và ngày càng được vun đắp bên cạnh sự cố gắng không mệt mỏi của tập thể người lao động và sự ủng hộ của quý vị cổ đông, Nhựa Bình Minh nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn để phát triển bền vững.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban
Nguyễn Thị Phương Nga



TẠI TRỤ SỞ CÔNG TY - NHÀ MÁY 1

240 Hậu Giang - Phường - Quận 6 - Tp. HCM
Điện thoại: 08.39 690 973

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH TẠI BÌNH DƯƠNG

Số 7 đường số 2 – Khu Công nghiệp Sóng Thần
Thị trấn: Dĩ An – Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 08.38 968 465

Đây là nhà máy chính của Công ty ở phía Nam với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu như Đức, Ý, Áo. Diện tích nhà xưởng, kho bãi đã xây dựng hoàn chỉnh là 45.000 m² trên tổng số 50.000 m² đất.



Các chi nhánh và Công ty có liên quan

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đường D1 – Khu D Khu Công
nghiệp Phố Nối A –
Huyện Văn Lâm –
Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321.3 967 868



Với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, vốn sổ sách 155 tỷ đồng theo quyết định bàn giao vốn của HĐQT ngày 10/6/2008, Nhựa Bình Minh miền Bắc có trang thiết bị hiện đại, công suất ban đầu 20.000 tấn/năm. Nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với diện tích 20.000 m² trên tổng diện tích 40.000m² đất tại khu công nghiệp Phố Nối A, tỉnh Hưng Yên. Năm 2008 Nhựa Bình Minh Miền Bắc gặp rất nhiều khó khăn khi mới đi vào hoạt động và đang trong giai đoạn thâm nhập thị trường.

Công ty mới thiết lập hệ thống phân phối với tổng số 22 cửa hàng. Trong khi sự nhận biết của thương hiệu Nhựa Bình Minh đối với khách hàng khu vực miền Bắc còn chưa cao, thì tình hình kinh tế lại rơi vào suy thoái càng khiến tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

Sản lượng và doanh số không đáng kể. Kết quả sản xuất kinh doanh lũy kế là 14,4 tỷ đồng.

Năm 2009, với sự hỗ trợ của Công ty mẹ, công ty Nhựa Bình Minh miền Bắc đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả ban đầu đáng khích lệ: Hệ thống phân phối gồm 36 cửa hàng có mặt trên 16 tỉnh khu vực phía Bắc với doanh thu cả năm đạt 91 tỷ.

Sản lượng tiêu thụ 2.430 tấn, và quan trọng hơn, Nhựa Bình Minh miền Bắc đã chấm dứt sớm giai đoạn chịu lỗ, đạt được lợi nhuận 8 tỷ đồng. Với nội lực của Nhựa Bình Minh và tiềm năng phát triển kinh tế của khu vực phía Bắc, chúng ta tin tưởng rằng, Nhựa Bình Minh miền Bắc sẽ có sức bật mạnh mẽ trong tương lai khi thị trường đầu tư, xây dựng, bất động sản khởi sắc hơn.

Thông Tin Cổ Đông Và Quản Trị

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM cung cấp tính đến ngày 30/12/2009.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỉ lệ %
Cổ đông nhà nước	5.076.348	30,32%
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	648.028	3,87%
Cá nhân nước ngoài	119.338	0,71%
Tổ chức nước ngoài	7.936.602	47,41%
Cá nhân trong nước	2.024.763	12,09%
Tổ chức trong nước	936.436	5,59%
TỔNG CỘNG	16.741.516	100%

MỘT SỐ CỔ ĐÔNG LỚN

Nắm giữ trên 2% tổng số cổ phần trở lên

STT	Cổ đông	Loại	Số CP nắm giữ	Tỉ lệ %
1.	QUỸ TẮM NHÌN SSI	Tổ chức trong nước	407.150	2,43%
2.	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC	Cổ đông nhà nước	5.076.348	30,32%
3.	TONG YANG VIETNAM PRIVATISATION TRUST FUND 1	Tổ chức nước ngoài	391.392	2,34%
4.	JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	Tổ chức nước ngoài	471.960	2,82%
5.	PXP VIETNAM FUND	Tổ chức nước ngoài	525.000	3,14%
6.	CITIGROUP GLOBAL MARKETS FINANCIAL PRODUCTS LLC	Tổ chức nước ngoài	446.836	2,67%
7.	VIETNAM HOLDING LTD	Tổ chức nước ngoài	1.072.234	6,40%
8.	CITIGROUP GLOBAL MARKETS LTD	Tổ chức nước ngoài	496.336	2,96%
9.	KITMC WORLDWIDE VIETNAM	Tổ chức nước ngoài	642.612	3,84%
	Tổng cộng		9.529.868	56,92%



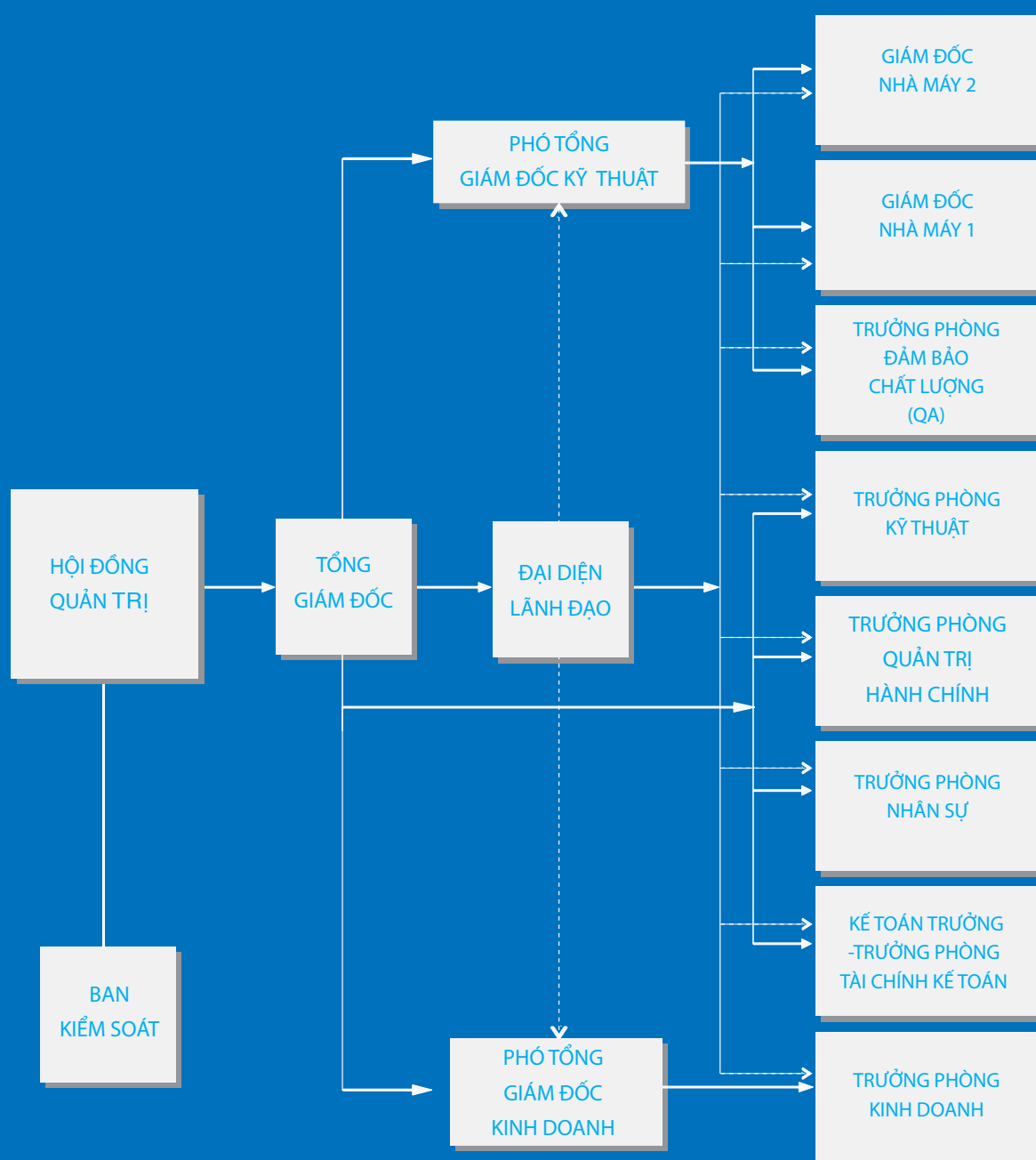
Tình hình giao dịch của các cổ đông lớn trong năm 2009:

STT	Tên / Tổ chức	Chức vụ/ liên quan	Số lượng trước GD	Giao dịch	SLCP đã giao dịch	Số lượng cổ phiếu sau GD	Thời gian thực hiện
1.	Citigroup Global Market Ltd (CGML) và Citigroup Global Market Financial Products Ltd (CGMFP)	Cổ đông lớn	840.952	Mua	12.000	852.952	10/04/2009
2.		Cổ đông lớn	872.642	Bán	31.800	840.842	29/05/2009
3.		Cổ đông lớn	826.262	Mua	60.000	886.262	15/09/2009
4.	Nguyễn Bội Ngọc Châu	em Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ		Bán	3.400		25/05/2009
5.	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	99.112	Bán	30.000	69.112	07/08/2009 đến ngày 12/08/2009
6.	Trang Như Hạ	em thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	9.972	Bán	9.970	2	30/10/2009 đến ngày 09/11/2009
7.	Nguyễn Hoàng Ngân	Phó CT HĐQT, kiêm Phó TGĐ	161.854	Bán	60.000	101.854	25/12/2009
8.	Nguyễn Thị Bích	Vợ Phó CT HĐQT kiêm Phó TGĐ	6.000	Mua	60.000	66.000	25/12/2009

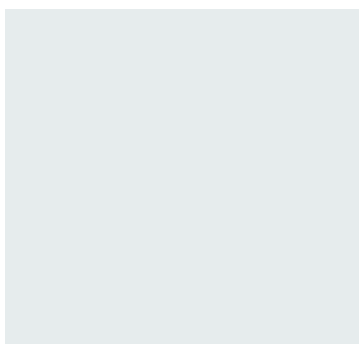


Sơ đồ tổ chức Công ty

Số lượng cán bộ, nhân viên hiện nay đang làm việc tại Công ty là 463 người. Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động, phù hợp với các quy định của Bộ Luật Lao động.



Hội Đồng Quản Trị



- | | |
|---|---|
| 1 | |
| 2 | 3 |
| 4 | 5 |

1. Ông Lê Quang Doanh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Sinh năm 1952

Trình độ: Kỹ Sư cơ khí.

Quá trình công tác:

Ông Lê Quang Doanh bắt đầu làm việc tại Công ty từ năm 1979 với chức vụ Phó Quản đốc. Năm 1987 Ông được bổ nhiệm là Phó Giám đốc Công ty.

Năm 1996 Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty. Từ năm 2004, sau khi cổ phần hóa Công ty Ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc và giữ các chức vụ này đến nay.

2. Ông Nguyễn Hoàng Ngân

Thành viên Hội đồng Quản trị Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc

Sinh năm 1962

Trình độ: Kỹ Sư Cơ Khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Hoàng Ngân làm việc tại Công ty từ năm 1988. Năm 1989 được đề bạt làm Phó phòng Kỹ thuật. Năm 1991, ông được thăng chức Trưởng phòng kỹ thuật.

Đến năm 1997 được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty. Từ năm 2004 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty. Từ năm 2007, Ông được biệt phái kiêm thêm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc.

3. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

Thành viên Hội đồng Quản trị
Phó Tổng Giám đốc
Trưởng phòng Kinh doanh

Sinh năm 1960

Trình độ: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Bà Nguyễn Thị Kim Yến làm việc tại Công ty từ năm 1981. Đến năm 1988, bà được bổ nhiệm làm Phó Phòng Kinh doanh.

Năm 2003, Bà giữ vị trí Trưởng Phòng Kinh doanh. Năm 2004 là thành viên HĐQT – Trưởng Phòng Kinh doanh. Từ 2006 đến nay Bà là thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Kiêm trưởng phòng Kinh doanh.

4. Bà Trang Thị Kiều Hậu

Thành viên Hội đồng Quản trị
Kế toán trưởng

Sinh năm 1959

Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác :

Bà Trang Thị Kiều Hậu làm việc tại Công ty từ năm 1985. Đến năm 1988 Bà được đề bạt là Phó phòng Tài vụ. Năm 1994 bà được bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài vụ Công ty.

Từ năm 2004 đến nay Bà là Thành viên HĐQT - Kế Toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

5. Ông Bùi Quang Khôi

Thành viên Hội đồng Quản trị
Giám đốc Nhà máy

Sinh năm 1960

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Ông Bùi Quang Khôi làm việc tại Công ty từ năm 1993. Đến năm 1997 Ông được đề bạt là Phó Quản đốc Xưởng.

Năm 1999 đến 2003 ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Nhà máy 2. Từ năm 2004 đến nay ông là Thành viên Hội đồng Quản trị – Giám đốc Nhà máy 2.

Ban Kiểm Soát



1

2

3



1. Bà Nguyễn Thị Phương Nga

*Trưởng ban Ban Kiểm soát
Phó phòng Kinh doanh*

Sinh năm 1963

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Bà Nguyễn Thị Phương Nga làm việc tại Công ty từ năm 1982. Đến năm 1999, bà được đề bạt là Phó Phòng Kinh doanh.

Năm 2004 bà là Thành viên Ban Kiểm soát Phó Phòng Kinh doanh. Năm 2009 Bà là Trưởng Ban Kiểm soát - Phó phòng Kinh doanh.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt Hà

*Thành viên Ban Kiểm soát
Kế toán viên*

Sinh năm 1959

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Bà Đinh Thị Nguyệt Hà làm việc tại Công ty từ năm 1979. Từ 2004 đến nay bà là Thành viên Ban Kiểm soát Nhân viên phòng Tài chính Kế toán.

3. Ông Nguyễn Kim Thượng

*Thành viên Ban Kiểm soát
Trưởng phòng Kỹ thuật*

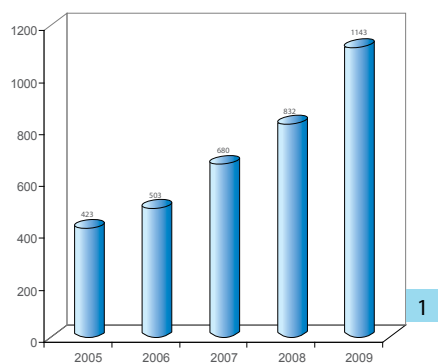
Sinh năm 1959

Trình độ: Kỹ Sư Điện tử, Cử nhân Anh văn

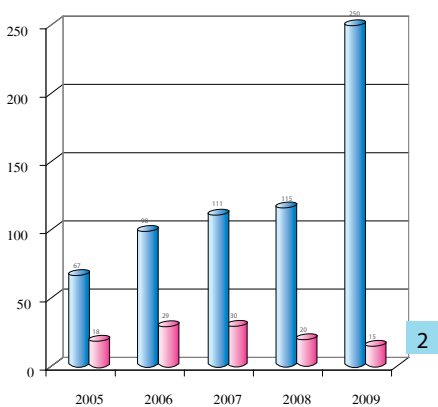
Quá trình công tác:

Ông Nguyễn Kim Thượng làm việc tại Công ty từ năm 1983. Đến năm 1997, ông được đề bạt lần lượt là Phó phòng rồi Trưởng phòng Kỹ thuật trong cùng một năm. Từ năm 2004 đến nay Ông là thành viên Ban Kiểm soát - Trưởng phòng Kỹ thuật.

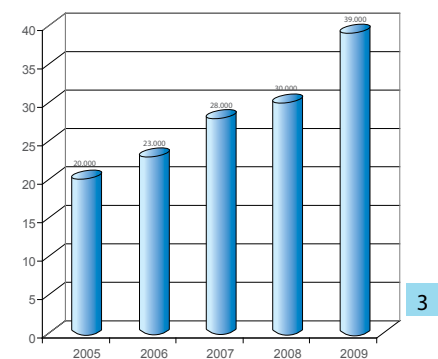
Phụ lục số liệu



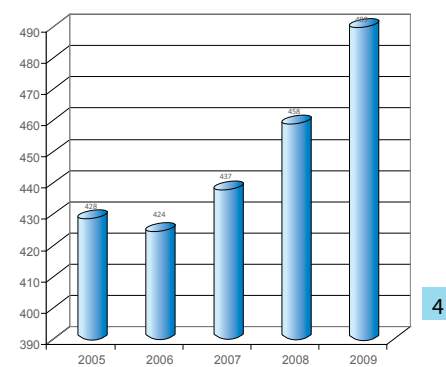
1. Doanh thu



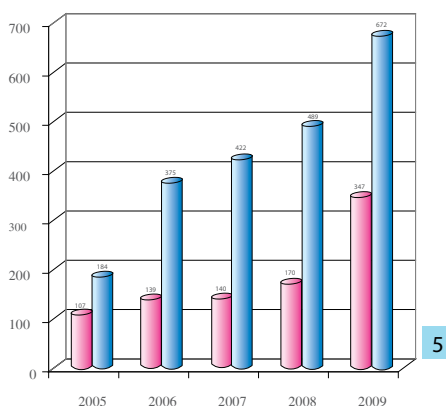
2. Cổ tức- lợi nhuận



3. Sản lượng



4. Lao động



5. Vốn(điều lệ-sở hữu)

Diễn giải	2005	2006	2007	2008	2009
Doanh thu (tỷ đồng)	423	503	680	832	1143
Lợi nhuận (tỷ đồng)	67	98	111	115	250
Sản lượng (tấn)	20.000	23.000	28.000	30.000	39.000
Lao động (người)	428	424	437	458	489
Vốn điều lệ(tỷ đồng)	107	139	140	170	347
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	184	375	422	489	672
Cổ tức (5)	18	29	30	20	15

CONTENTS

Vision, Mission, Core value	65
Chairman's Message	66
Board of Management's Report	68
General Director's Report	70
Summary of the Company's Operations and Development	76
Responsibilities to Society, Environment and Workers	80
Events Highlights of the Year	82
Business Scope – Product Introduction	84
Five-Year Development Strategy	85
Annual Financial Report - Interpretation & Explanation of the General Financial Report	86
Explanation of the Financial and Audit Reports	114
Branches and related Companies	119
Shareholder Information	120
The Company's organizational structure	123
Board of Management	124
Board of Supervisors	126
Statistic index	127



VISION

We aim to maintain our position as one of the leading plastic pipe makers in Vietnam under the motto “Think of plastic pipes, think of Binh Minh”.

MISSION

To balance the expectations of customers, shareholders, workers and the community.

CORE VALUE

To maintain and enhance the Company’s culture distribution network, and value in the strong Company name

Chairman's Message

Ladies and gentlemen

Along with the development of science and technology, plastic pipes are becoming more and more diversified and are now being used in many industries. Currently, as well as in the near future- the market does not yet have any materials to replace this optimal product.

Binh Minh Plastics has a history of over 30 years of operation and development in Vietnam and is currently one of its leading plastic pipe companies.

Binh Minh Plastics has made significant achievements in the recent years, particularly demonstrated by our excellent business results in 2009. We are very happy and have good reason to be confident in the Company's future developments.

We will continue to do our best for the solid development of Binh Minh Plastics.

Lastly, we would like to express our heartfelt appreciation to our shareholders, customers and partners for all your interest and support during the recent years. On behalf of Binh Minh Plastics, I wish all of you good health, happiness and success.

Yours Faithfully,



Le Quang Doanh

Chairman



Board of Management's report



Overall Analysis and Evaluation

Vietnam's economy was faced with many difficulties and uncertainties in 2009 due to the impact of the global crisis. However, based on the results of an analysis made on the plastic industry in general, as well as that of the situation of Binh Minh Plastics in particular, the Board of Management is confident that the Company will overcome the financial challenges of the year.

First and foremost, Binh Minh Plastics has a reasonable product structure. Vietnam is considered a developing country with limited infrastructure, requiring a great extent of investments, in order to satisfy the increasing plastic pipe demands of the construction industry.

Binh Minh Plastics has always believed in its capabilities. We have an excellent track record in the market for our quality factories, advanced equipment, including experienced and skillful staff that have been with the Company for a long time.

Synchronous solutions

The Board of Management holds quarterly and ad-hoc meetings to introduce policies and solutions for each development stage that adapt to the changing market situation.

Business result

In 2009, confidence and prudent development helped Binh Minh Plastics achieved its highest records in 32 years: its turnover broke VND1,000 billion and output exceeded 35 tons/year.

Implementation of Shareholder Meeting Resolution

The Company has paid dividends for the first stage of 2009 at 15% of the par value. Based on the shareholders' written opinion, the Board of Management decided to pay bonus shares with 1:1 ratio at the year end. Other Shareholder Meeting Resolutions were also taken seriously and had been timely implemented by the Board of Management.

Forecast for 2010

The local economy is forecasted for more uncertainties in 2010. The evidence that prices of electricity, coal, petrol and plastic materials are increasing suggests that the Company's business will be negatively impacted.

However, with a pool of experienced staff and leaders, accumulated over many years of operation and development, particularly after the Company's equitization and listing on the stock exchange, the Board of Management believes that Binh Minh Plastics shall yield more successes in 2010.

The Board of Management also has full confidence in the long-term development of Binh Minh Plastics and in fulfilling the expectations of shareholders, workers, partners and customers.

Yours Faithfully



Le Quang Doanh
Chairman

After a year of uncertainties in 2008, the Board of Management exercised more caution when making plans for 2009. The growth rate was set equal to the previous year, and a cross-line strategy was considered which might be applied for 3 successive years.

However, the Board focused on preparing the sources to take any opportunities of speeding up. The Board of Directors agreed and supported this view by creating reasonable policies and solutions.

Internal solution

Investment Solution

Understanding the high demands of uPVC pipes, the Board of Directors decided to invest 8 spraying squeezors and 33 spare-part moulds under the latest bidding in order to satisfy the market in a timely manner.

Technical Solution

To enhance product quality, a technology group and a product group was established – to research, change materials and ensure the application of any advanced global scientific advancements.

In 2009, Binh Minh Plastics introduced to the market unique blue colored PP-R plastic pipes used for hot and cool water. The Board of Directors decided to choose BP-R pipes of Binh Minh Plastics. (Not sure if this is link to the PP-R pipes?) These high quality and synchronous products helped the Company build up its prestige and reliability to customers once it got to the market.



Report of General Director



Supplying Solution

Binh Minh Plastics has built long-term relations with key suppliers to purchase materials at the best prices as well as to make use of material warehouses for production. The Board of Directors also made effective use of the capacity of its two factories and the Northern Binh Minh Plastics to provision for holiday occasions. The Board also decided to lease warehouses for reasonable time period and in appropriate areas to ensure constant availability of materials..

Human resource solution

In addition to the official long term recruitment requirements, casual workers were also hired for short term demands of labor.. To increase the employee quality, the Company issued statutes for interns to provision for future resources, held seminars on human resource strategy, and carried out restructuring exercises to reduce the number of undesirable employees. . This step paves the way for a massive deployment exercise in 2010 for the entire Company.

Competition solution

This year, the Company aims to encourage “collective brainpower” by implementing a competition for creative ideas. The timely deployment of a new statute on creative ideas generation created an exciting movement – with a total of 195 ideas being submitted, contributing to VND millions for the Company.

More importantly, the movement enhanced working spirit. Many valuable ideas became technical solutions, significantly supporting the Company’s business.

Worker solution

The labor policies of the Company are constantly being improved, such as uniforms, labor protective wares, periodical medical examination, pay rise, medical insurance, accident insurance, and special insurance for middle and top management staff, etc. The Company also offers incentives for workers to enjoy their vacations, as well as building hostels leased to workers at preferential costs.



External solution

Business solution

Binh Minh Plastics accelerated the process of big projects by implementing flexible policies, and improved its customer-relations by giving priorities to regular customers. Prices were kept stable during the year and promotional programs were launched at specific times and regions. The Company also had flexible payment policies for its distributors, helping them ensure both business development and timely debt collection. However, overdue debts were strictly resolved by law.

With the establishment and development of new competitors, the Board of Directors instructed the Company to expand its distribution channels to 400 outlets nationwide, an increase of 34% compared to the previous year.

Marketing solution

Fairs and exhibitions, especially the “Fair for High Quality Vietnamese Products”, are always effective channels for Binh Minh Plastics to showcase its products in the key cities and provinces at the lowest costs. Advertisements in newspapers, on televisions, and billboards at good locations such as the gateways to big cities, have also proved effective.

The Company has won valuable awards such as Vietnamese High Quality Product, Vietnam Golden Star, and National Brand. The achievements of 2009 were impressive, with a turnover of nearly VND1,100 billion, 39,000 tons of products consumed, and an after-tax profit gain of VND250 billion. The Board of Directors is making all effort to ensure that the future growth rate to keep between 10% and 15% per annum, as targeted by the Board of Management.

Key Statistics

Solvency

		2009	2008	2007
1. Quick solvency	Time	1.93	1.99	2.79
2. Current solvency	Time	3.77	4.45	4.61

Profitability

		2009	2008	2007
1. Gross profit/Net turnover	%	29.44	22.78	20.88
2. Net Profit From business operation/Net turnover	%	24.81	13.63	16.24
3. After-tax profit/Net turnover	%	21.86	11.68	14.12

Capital Structure

		2009	2008	2007
1. Long term debt/Equity	%	0.15	0.16	0.13
2. Total debt/Total dssets	%	17.81	13.72	15.30

Business Capacity

		2009	2008	2007
1. Total asset circulation	Round	1.39	1.45	1.37
2. Working capital circulation	Round	2.08	2.40	1.95
3. Inventory circulation	Round	3.52	3.88	2.06

Other Statistics

		2009	2008	2007
1. ROE (Return on equity)	%	37.20	19.97	23.19
2. ROA (Return on assets)	%	30.32	16.95	19.29
3. EPS (Earnings per share)		7,246	2,928	3,055



Solvency

The quick and current solvency indexes suggest that the Company always ensures that it has the capacity to pay all short term debts 1.93 times over, quickly adapting to the capital demand for its operations.

Profitability

The Company's profitability is quite high, especially that of 2009 as its turnover increased 39% while material costs were reduced by 18% as compared to 2008.

Capital structure

The ratios of long-term debt/equity and total debt/total assets remain small, and suggest that the company has very low long term debt ratio, showing a healthy financial situation and that insolvency is unlikely to happen. The Company's debts are mainly short term loans.

Business capacity

The Company's business capacity is proving to be strong and maintaining for years.

Other statistics

ROE and ROA for the recent three years suggest that the company has high and stable profitability, especially in 2009.

Earnings per share (EPS) is also stable at a high level, especially that of 2009, which is 2.5 times higher than the previous years. In order to compare EPS over years, EPs of 2007 and 2008 were adjusted retroactively with 17,384,596 bonus shares to shareholders in 2009 (EPS of 2007 and 2008 before adjustment are 6,836 and 6,237 respectively).

Company history



From 1977 to 1985

ESTABLISHMENT AND FINDING OUR WAY

On 16th of November 1977, the Ho Chi Minh City People's Committee issued Decision No. 1488/QD-UB, accepting the merger of Vietnam Chemical Plastic Pipe Co. (Kepivi) at 139 Xo Viet Nghe Tinh and Kieu Tinh Plastics Co. at 301-309 Street 54 (currently 57 Nguyen Dinh Chi Street) to form BINH MINH PLASTICS STATE-OWNED AND PRIVATE COMPANY, under the control of the Technological Product Corporation belonging to the Ministry of Light Industry. *16th of November 1977* is officially selected as the Company's date of the establishment.

Binh Minh Plastics researched and successfully produced the first sprayers *in 1984*.

In 1985, the Company introduced its first protective hats and medical equipments.

From 1986 to 1996

INVESTING IN SCIENCE AND TECHNOLOGY – DETERMINING KEY PRODUCTS

In 1986, Binh Minh Plastics started producing plastic pipes for the rural clean water program of Unicef.

As per Decision No. 86/CNn-TCLD dated 8th February 1990 issued by the Ministry of Light Industry, Binh Minh Production Science Enterprise was first established as a member of the Plastic Production and Export Alliance of the Ministry of Light Industry (VINAPLAST). It later became known Vietnam Plastics Corporation.

In 1990, the Company turned to plastic pipe production under a Korean production line.

Under Decision No. 1434/CNn-TCLD dated 3rd November 1994 issued by the Ministry of Light Industry, a state-owned business was formed, namely Binh Minh Plastics Company or BMPLASCO.



From 1997 to Present

BUILDING OUR TRADEMARK; REFORMING TO DEVELOP QUICKLY AND EFFECTIVELY

In 1998, the Company invested in 2 sets of extrusion machine - Kraussmaffei (Germany) and Cincinnati (Austria). These were the most advanced pipe production line imported to Vietnam at that time.

On 5th June 1999, Binh Minh Plastics' second factory, located at No. 7 Street 2 of Song Than Industrial Zone, Di An Town, Binh Duong District, was inaugurated. It covers an area of 20,000 square meters and is equipped with modern machinery imported from Europe.

The Company acquired an ISO certificate for quality control *in 2000*.

In 2001, the Company expanded its second factory area to 30,000 square meters.

On the 16th of November 2002, the Company formally celebrated its 25th anniversary in Dam Sen Cultural Park, Ho Chi Minh City. In the following year, the Ministry of Industry issued Decision No. 18/2003/QD on *5th March 2003* to gain control of Binh Minh Plastics and later equitized the company.

Binh Minh Plastics became Binh Minh Plastics Joint Stock Company on *4th December 2003*, under Decision No. 209/2003/QD-BCN of the Ministry of Industry.

The Company officially commenced operations under Business License No. 4103002023 from *2nd January 2004*. It retained its BMPLASCO acronym.

In 2004, the Company completed a product warehouse of 10,000 square meters, increasing the total area of the factory to 50,000 square meters.

In October 2005, the Company organized an auction to sell a 25% stake, owned by the Government via the stock exchange under a joint decision of the Ministry of Industry and the Ministry of Finance; thereby reducing the Government's stake in the Company to 39.47%.

11th July 2006 was an important milestone for Binh Minh Plastic as the Company's shares started official trading under the code BMP on the Vietnam Stock Exchange. This was as per listing license No. 49/UBCK-GPNY dated 12th June 2006, ssued by the State Securities Commission. The Company issued more shares in October 2006, mobilizing VND123 billion which was used to invest in a new factory in the North.

2007 was a year filled with many important events for the Company, including our 30th anniversary. We were also honored to receive the Labor Medal class III on 16th November at the Independence Palace.

In December 2007, the Binh Minh One Member Limited Liability Company in the North officially commenced business in Pho Noi A Industrial Zone, Hung Yen Province.

AMENDMENTS OF BUSINESS LICENSES

Initially registered on 2nd January 2004 with chartered capital of VND107,180 million
The first amendment was made on the 27th November 2006, increasing chartered capital
to VND147,908.4 million

The second amendment was made on the 1st August 2008, increasing chartered capital
to VND175,989.56 million.

The third amendment was made on the 6th February 2010, increasing chartered capital to
VND349,835.52 million.

ACHIEVEMENTS

During its history of operations and development, the Company has gained certain achievements
as follows:

Labor Medal class III – 1988

Labor Medal class II – 1996

Labor Medal class I – 2002

Independence Medal class III – 2005

Title of Vietnamese High Quality Product 13 years in row (1997-2009).

Awarded “Gold Star of Vietnam” – in 2003, 2005, 2007, and 2009.

The National Brand Name 2008





BINH MINH PLASTICS IS HONORED TO BE SELECTED AS THE NATIONAL BRAND NAME SINCE 2008. BESIDES THE EFFORTS THAT IT PUTS INTO ITS BUSINESS, THE COMPANY ALSO PAYS MUCH ATTENTION TO ITS SOCIAL RESPONSIBILITIES, THE ENVIRONMENT AND ITS WORKERS.

The Company's traditional charity activities are always supported by all staff, including:

- » Blood donation programs
- » Donations to build houses for the poor
- » Taking care of Vietnam's hero mothers
- » Giving presents to poor children on public holidays
- » Donations for flood victims



Binh Minh Plastics also pays much attention to the welfare of its staff. In addition to salary and bonus policies, the Company regularly organizes programs to encourage solidarity amongst staff, such as:

- » Yearly vacations
- » Sports festivals
- » Paying tuition fees of training courses for staff to better their career
- » Establishing a scholarship fund – “Nguyen Huu Canh”, as well as summer camping programs for the children of staff
- » Giving presents to children of staff on Children’s Day and Mid-August festival
- » Giving presents to female workers on International Women’s Day (8th of March) and Vietnamese Women’s Day (20th of October)
- » Giving presents to staff who have joined the army on Army Day (22nd of December)

Important events in the year



THE 10TH ANNIVERSARY OF OUR SECOND FACTORY

NEW YEAR CUSTOMER MEETING

RECEIVING THE HONOR FLAG FROM VIETNAM TRADE UNION FOR THE
STRONG UNION MOVEMENT

RECEIVING THE HONOR FLAG FROM THE MINISTRY OF COMMERCE AND
INDUSTRY FOR “OVER-PLAN BUSINESS ACTIVITIES”

WINNING “VIETNAMESE HIGH QUALITY PRODUCT”

WINNING THE “VIETNAM GOLD STAR” FOR THE FOURTH TIME

RECEIVING THE TITLE OF “PRESTIGIOUS SHARE” OF 2009

BINH MINH PLASTICS SEMINAR – VISION TO 2015

INVESTING IN 630MM-DIAMETER UPVC PIPE PRODUCTION LINE



MEETING WITH INVESTMENT FUNDS AND SECURITIES COMPANIES:
3 TIMES IN THE YEAR

HOLDING SEMINAR ON FIRE PREVENTION

HOLDING MATCHES TO CALL FOR
“VIETNAMESE PEOPLE USING VIETNAMESE PRODUCTS”

HOLDING GREEN AND CLEAN SUNDAY



The Company's key products



- » uPVC pipes and spare parts used for water supply and drainage.
- » HDPE pipes and spare parts used for water supply
- » HDPE pipes and spare parts used for water drainage.
- » PP-R pipes used for hot-cool water
- » Sprayers and protective wares.



Developing strategy for the next 5 years

- » Continue to assert top position for the main products such as pipes and other fittings; increase quantity, improve quality.
- » Market research on plastic products with high technical functions and efficiency that will meet the needs of diversified items
- » Expand the company, and set up more new factories.
- » Put Headquarters building at 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, Ho Chi Minh City to better use if favorable conditions are fulfilled and relevant partners are identified.

Financial statement

CONTENT

REPORT FROM THE BOARD OF DIRECTORS

AUDIT REPORT

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Balance sheet

Income statement

Cash flow statement

Notes to the consolidated financial statements



Report from the Board of Directors

The Board of Directors of Binh Minh Plastics Joint Stock Company (hereafter called “the Company”) would like to present its report and the consolidated financial report of the Company for the year ending 31st December 2009.

Overview

Binh Minh Plastics Joint Stock Company was established under Decision No. 209/2003/QĐ-BCN dated on 4th December 2003 by the Ministry of Industry, transforming Binh Minh Plastics into a joint stock company.

The Company’s business license – No. 4103002023 – was issued on 2nd January 2004. The second amendment on the business license was issued by the Planning and Investment Department of Ho Chi Minh City dated 1st August 2008.

The Company’s key business activities are: making civil and industrial products from plastic and rubber; designing, manufacturing, and trading plastic moulds for the casting industry; producing and trading machinery, materials, sanitation for the construction industry; interior decoration; consultancy and execution of water drainage, yards, and warehouses; appraisal, analysis and testing for the chemical industry; trading in import and export materials, chemicals, machinery for the plastic industry, mechanical industry and construction industry; water supply and drainage; and laboratory equipment.

The Company’s head office is 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, HCM City.

The subsidiaries in this consolidated financial report include:

Company name	Business scope	Stake
Binh Minh Plastic Northern One Member Limited Liability Company	Civil and industrial products made of plastic and rubber	100 %

Events after book closure

On 6th February 2010, the Company received the 3rd amendment of its business license issued by HCM City’s Planning and Investment Department, with chartered capital increasing to VND349.835.520.000.

No other important events taking place after the book closure are required to be announced in this financial report.

Board of Management, Board of Directors and Board of Supervisors

The following is the list of members of the Board of Management, Board of Directors and Board of Supervisors from 2009 to the date of this report:

Board of Management:

Mr. Le Quang Doanh	Chairman
Mr. Nguyen Hoang Ngan	Vice-Chairman
Ms. Nguyen Thi Kim Yen	Member
Ms. Trang Thi Kieu Hau	Member
Mr. Bui Quang Khoi	Member

Report from the Board of Directors (continued)

Board of Directors:

Mr. Le Quang Doanh	General Director
Mr. Nguyen Hoang Ngan	Deputy General Director
Ms. Nguyen Thi Kim Yen	Deputy General Director

Board of Supervisors:

Ms. Nguyen Thi Phuong Nga	Chief Supervisor
Mr. Nguyen Kim Thuong	Member
Ms. Dinh Thi Nguyet Ha	Member

Auditor

Nam Viet Accounting Consultancy and Auditing Service Ltd. audited the unified financial report for the Company..

Responsibilities of the Board of Directors to the unified financial report

The Board of Directors is responsible for producing the consolidated financial report, reflecting the consolidated business results as well as the cash flow of the Company in the year. In the production of the consolidated financial report, the Board of Directors committed to complying with the following requirements::

- Selecting a reasonable accounting policy and applying it consistently;
- Giving careful evaluation and forecast;
- Producing and presenting the consolidated financial reports in accordance with accounting standards and related regulations;
- Producing the consolidated financial reports based on the Company's continuous business activities, except in the event where it is impossible to confirm the continuation of the Company's business.

The Board of Directors ensured that all the accounting books accurately reflect the Company's financial situation, and that the consolidated financial report complies with the current law. The Board of Directors is also responsible for the safeguard of the Company's assets from fraud and other violations.

The Board of Directors are committed to ensuring that the consolidated financial report accurately reflects the Company's financial situation, business results and cash flow as of 31st December 2009 in accordance with Vietnam accounting standards and related regulations.

On behalf of the Board of Directors



Le Quang Doanh
General Director

Hochiminh city, 12 March 2010

AUDIT REPORT

With reference to the consolidated financial report of Binh Minh Plastics Joint Stock Company

To: *Board of Management and
Board of Directors of Binh Minh Plastics*

The audit work for the consolidated financial report of Binh Minh Plastics Company has been completed as of 31st December 2009. The auditing report was made on 20th January 2010 and includes: Balance Sheet as of 31st December 2009, Business Result Report, Report on Cash Flow and the Interpretation of the Financial Report as of 31st December 2009, are included, as attached.

The Board of Directors is responsible for producing the financial report. Our duty is to provide evaluation on the reports based on our auditing work.

Basis of evaluation

The audit work was completed in accordance with Vietnam's auditing standards. These standards require planning and execution to ensure that the financial reports are free from mistakes. We checked this by selecting samples and applying the necessary tests and evidence to verify the information in the report; evaluating the compliance to current accounting standards and regulations; including important forecast and evaluation of the Director as well as checking on the arrangement of the report. We ensure that our audit work is done on a legal basis for our evaluation..

Evaluation of the auditor

According to our evaluation, the consolidated financial report accurately and reasonably reflects the main aspects of the Company's situation as well as its business results and cash flow as of 31st December 2009, in accordance with Vietnam accounting standards and related regulations.

**Nam Viet Accounting Consultancy and
Auditing Service Ltd. (AASCN)
General Director**

Auditor



A blue ink signature of Cao Thi Hong Nga.

Nguyen Thi Lan
CPA No.: 0167/KTV

Cao Thi Hong Nga
CPA No.: 0613/KTV

Hochiminh city, 12 March 2010

Balance sheet

As of 31 December 2009

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	31/12/2009	01/01/2009
A . CURRENT ASSETS	100		550,256,649,595	341,932,626,652
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	94,337,022,992	18,123,438,970
1. Cash	111		38,437,022,992	18,123,438,970
2. Cash equivalents	112		55,900,000,000	-
II. Short-term investments	120	V.2	17,400,000,000	13,431,818,180
1. Short-term investments	121		23,000,000,000	22,000,000,000
2. Provisions for devaluation of short-term investment	129		(5,600,000,000)	(8,568,181,820)
III. Accounts receivable	130		134,653,360,094	90,364,767,351
1. Receivable from customers	131		127,400,349,590	81,471,087,232
2. Prepayments to suppliers	132		6,933,599,354	7,718,732,793
3. Short-term inter-company receivable	133		-	-
4. Receivable according to the progress of construction contracts	134		-	-
5. Other receivable	135	V.3	1,418,818,188	1,940,219,275
6. Provisions for bad debts	139		(1,099,407,038)	(765,271,949)
IV. Inventories	140	V.4	269,550,928,865	188,776,434,609
1. Inventories	141		269,550,928,865	188,776,434,609
2. Provisions for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		34,315,337,644	31,236,167,542
1. Short-term prepaid expenses	151		1,010,015,800	780,324,833
2. VAT to be deducted	152		4,451,177,852	12,191,890,314
3. Taxes and other accounts receivable from the State	154		-	-
4. Other current assets	158	V.5	28,854,143,992	18,263,952,395
B. LONG-TERM ASSETS	200		273,993,154,757	224,078,143,434
I. Long-term accounts receivable	210		-	-
II. Fixed assets	220		265,580,812,749	217,556,615,621
1. Tangible assets	221	V.6	233,425,237,707	186,637,101,649
- Historical cost	222		472,707,999,830	382,074,618,256
- Accumulates depreciation	223		(239,282,762,123)	(195,437,516,607)
2. Financial leasehold assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulates depreciation	226		-	-

Balance sheet (continued)

As of 31 December 2009

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	31/12/2009	01/01/2009
3. Intangible assets	227	V.7	32,130,105,042	30,894,043,972
- Initial cost	228		35,996,185,657	33,997,873,907
- Accumulated amortization	229		(3,866,080,615)	(3,103,829,935)
4. Construction-in-progress	230	V.8	25,470,000	25,470,000
III. Investment property	240		-	-
- Historical costs	241		-	-
- Accumulated depreciation	242		-	-
IV. Long-term investments	250	V.9	8,155,000,000	6,465,000,000
1. Investments in affiliates	251		-	-
2. Investment in business concerns and joint ventures	252		-	-
3. Other long-term investments	258		8,155,000,000	8,155,000,000
4. Provisions for devaluation of long-term investments	259		-	(1,690,000,000)
V. Other long-term assets	260		257,342,008	56,527,813
1. Long-term prepaid expenses	261		-	-
2. Deferred income tax assets	262	V.14	257,342,008	56,527,813
3. Other long-term assets	268		-	-
			-	-
VI. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		824,249,804,352	566,010,770,086

Balance sheet (continued)

As of 31 December 2009

Unit: VND

LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	Code	Note	31/12/2009	01/01/2009
A. LIABILITIES	300		146,826,415,418	77,654,687,036
I. Current liabilities	310		145,787,992,107	76,899,460,618
1. Short-term debts and loans	311	V.10	11,260,221,392	48,535,244,221
2. Payable to suppliers	312		111,254,152,062	13,236,860,440
3. Advances from customers	313		881,772,274	184,013,198
4. Taxes and other obligations to the State Budget	314	V.11	7,082,650,560	6,818,509,499
5. Payable to employees	315		8,298,486,044	3,175,929,891
6. Accrued expenses	316	V.12	5,307,137,716	3,091,759,193
9. Other short-term payable	319	V.13	1,703,572,059	1,857,144,176
10. Provisions for short-term accounts payable	320		-	-
II. Long-term liabilities	330		1,038,423,311	755,226,418
1. Long-term account payable to suppliers	331		-	-
2. Long-term inter-company payable	332		-	-
3. Other long-term payable	333		-	-
4. Long-term debts and loans	334		-	-
5. Deferred income tax payable	335		-	-
6. Provision for unemployment allowances	336		1,038,423,311	755,226,418
7. Provision for long-term accounts payable	337		-	-
B. OWNER'S EQUITY	400		677,423,388,934	488,356,083,050
I. Owner's equity	410	V.15	671,905,016,816	480,230,327,200
1. Capital	411		347,691,920,000	169,558,760,000
2. Share premiums	412		1,592,782,700	104,020,925,000
4. Treasury stocks (*)	414		-	(10,000)
7. Business promotion fund	417		130,864,228,602	135,013,567,797
8. Financial reserved fund	418		18,485,564,387	19,189,415,176
9. Other funds	419		16,796,149,211	-
10. Retained earnings	420		156,474,371,916	52,447,669,227
II. Other sources and funds	430		5,518,372,118	8,125,755,850
1. Bonus and welfare funds	431		5,518,372,118	8,125,755,850
2. Sources of expenditure	432		-	-
3. Fund to form fixed assets	433		-	-
C. INTEREST OF MINORITY SHAREHOLDERS	439		-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		824,249,804,352	566,010,770,086

Balance sheet (continued)

As of 31 December 2009

Unit: VND

OFF - BALANCE SHEET ITEMS

Items	Note	31/12/2009	01/01/2009
1. Leasehold assets			
2. Materials and goods kept or processed for others			
3. Goods deposited by others			
4. Bad debts already treated			
5. Foreign currencies			
+ USD		93,064,23	78,757,54
+ EUR		2,085,90	4,494,46
6. Estimates for non-business and project expenditure			

Prepared by



Phung Huu Luan

Chief Accountant



Trang Thi Kieu Hau

General Director



Le Quang Doanh

Hochiminh City - January 20th, 2010

Income statement

Year ended 2009

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
1. Sales	01	VI.1	1,156,149,641,356	831,577,610,647
2. Deductions	02	VI.2	12,995,957,619	10,613,629,141
3. Net sales	10	VI.3	1,143,153,683,737	820,963,981,506
4. Cost of goods sold	11	VI.4	806,603,438,469	633,926,705,992
5. Gross profit	20		336,550,245,268	187,037,275,514
6. Financial income	21	VI.5	4,173,819,971	1,632,773,116
7. Financial expenses	22	VI.6	3,348,265,069	23,773,627,973
<i>In which: Loan interest expenses</i>	23		2,229,277,877	10,235,582,959
8. Selling expenses	24		25,271,305,819	25,476,130,958
9. Administrative overheads	25		28,447,926,885	27,525,733,449
10. Net operating profit	30		283,656,567,466	111,894,556,250
11. Other income	31		1,528,309,440	2,238,651,336
12. Other expenses	32		20,659,406	266,523
13. Other profit/ (lost)	40		1,507,650,034	2,238,384,813
14. Profit from business concerns and joint ventures	50		-	-
15. Total accounting profit before tax	50		285,164,217,500	114,132,941,063
16. Current corporate income tax	51	VI.7	35,445,777,279	18,266,484,649
17. Deferred corporate income tax	52	VI.8	(200,814,195)	(56,527,813)
18. Profit after tax	60		249,919,254,416	95,922,984,227
18.1 Interest of minority shareholders			-	-
18.2 Profit after tax of parent company's shareholders			249,919,254,416	95,922,984,227
18. Earning per share	70	VI.9	7,246	2,928

Prepared by



Phung huu Luan

Chief Accountant



Trang Thi Kieu Hau

General Director



Le Quang Doanh

Hochiminh City – January, 20th 2010

Cash flow statement

Year ended 2009

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities	01			
1. Profit before Tax			285,164,217,500	114,132,941,063
2. Adjustments				
– Depreciation of fixed assets	02		44,928,770,996	35,899,727,311
– Provisions	03		(4,324,046,731)	10,717,423,470
– Gain / (lost) from foreign exchange differences	04		91,410,138	-
– Gain / (lost) from investing activities	05		(4,132,325,450)	(588,488,020)
– Loan interest expenses	06		2,229,277,877	10,235,582,959
3. Operating profit before changes of working capital	08		323,957,304,330	170,397,186,783
– Increase / (decrease) of accounts receivable	09		(36,286,667,965)	52,405,446,389
– Increase / (decrease) of inventories	10		(80,774,494,256)	(50,522,589,864)
– Increase / (decrease) of account payable (not included loan interest payable, corporate income tax obligations)	11		102,314,753,648	(39,078,168,375)
– Increase / (decrease) of prepaid expenses	12		(229,690,967)	(780,324,833)
– Loan interest already paid	13		(2,189,037,844)	(9,776,615,909)
– Corporate income tax already paid	14		(31,219,615,692)	(22,078,125,322)
– Other gains	15		17,262,902,633	33,869,244,653
– Other disbursements	16		(51,758,929,562)	(39,223,829,267)
Net cash flows from operating activities	20		241,076,524,325	95,212,224,255
II. Cash flows from investment activities				
1. Purchases and construction of fixed assets	21		(92,977,968,124)	(104,747,171,873)
2. Gains from disposal, liquidation of fixed assets and long-term assets	22		-	24,359,091
3. Loan given and purchases of debt instruments of other entities	23		(1,000,000,000)	150,000,000
4. Recovery of loans given and disposals of debt instruments of other entities	24		-	(8,125,000,000)
5. Investment into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Receipts of loan interests, dividends and profit shared	27		4,132,325,450	564,128,929
Net cash flows investing activities	30		(89,845,642,674)	(112,133,683,853)

Cash flow statement (continued)

Year ended 2009

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financial activities				
1. Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders	31		4,808,182,700	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	(10,000)
3. Short-term and long-term loans receives	33		53,366,370,074	214,490,875,199
4. Loan principal amounts repaid	34		(90,641,392,903)	(170,555,630,978)
5. Payments for financial leasehold assets	35		-	-
6. Dividends and profit already paid to owners	36		(42,550,457,500)	(16,955,875,000)
Net cash flows from financing activities	40		(75,017,297,629)	26,979,359,221
Net cash flows during the year	50		76,213,584,022	10,057,899,623
Beginning cash and cash equivalents	60		18,123,438,970	8,065,539,347
Effect of fluctuation in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70		94,337,022,992	18,123,438,970

Prepared by



Phung Huu Luan

Chief Accountant



Trang Thi Kieu Hau

General Director




Le Quang Doanh

Hochiminh City - January 20th, 2010

Notes to the consolidated financial statements

Year 2009

I. OPERATION FEATURES

1. Investment form

Binh Minh Plastics Joint Stock Company was established under Decision No. 209/2003/QĐ-BCN dated 4th December 2003 by the Ministry of Industry through transforming Binh Minh Plastics Company into a joint stock company.

The Certificate of Business, Registration No 4103002023, was first issued on 2nd January 2004. A second registration of change was made on 1st August 2008 by the Ho Chi Minh City Planning and Investment Department.

Company's Headquarters: 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, Ho Chi Minh City.

The Company's subsidiaries are as follows:

Name of Company	Industry of Activities	Ownership
Binh Minh Plastics Northern One Member Limited Liability Company	Civil and Industrial products made of plastic and rubber	100 %

2. Business scope

Production and trade

3. Business Activities

The Company's main activities are in the manufacturing and trading of civil and industrial products made of plastic and rubber; designing, manufacturing and trading molds for the plastic and casting industries; manufacturing and trading machinery and equipment, materials, as well as sanitary components for construction and interior decoration; consultancy and construction works of water supply, yard and warehouse; inspection, analysis, and testing of chemicals; and trading, importing and exporting of raw materials, chemicals, materials, plastics machinery, as well as engineering, construction, water supply and laboratory equipment.

II. FISCAL YEAR AND CURRENCY FOR ACCOUNTING

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1st January to 31st December.

2. Standard currency unit

The currency unit used for accounting is Vietnam dong (VND).

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting system

The Company applies the Vietnamese Accounting system in accordance to Decision No. 15/2006/QĐ-BTC, issued by the Ministry of Finance on 20th March 2006.

2. Statement on compliance with the Vietnamese accounting system and standard

The Company applies the Vietnamese Accounting system and guidelines issued by the State. The consolidated financial statements are made and presented according to these standards and guidelines, as well as the accounting system that currently applies.

3. Accounting form

The Company uses the voucher recording form in its accounting.

IV. ACCOUNTING POLICY

1. Consolidation bases

CA subsidiary is an enterprise that is controlled by the parent company. The control exists when the parent company has power to govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities.

Financial statements of subsidiaries are set in the same fiscal year as the parent company, applying accounting policies that are consistent with the accounting policies of the parent company. Where necessary, adjustments will be done to ensure this consistency.

Transactions excluded when consolidating the financial statements include: surplus within the corporation, and gains and expenses which have not been implemented by internal transactions. Profits and losses which arise from transactions from other investments will be accounted for by the owner method and deducted from the benefits within the Company's investee.

2. Cash and cash equivalents

Economic transactions made in foreign currencies shall be converted into Vietnam dong based on the exchange rate at the time of the transactions. At the end of the year, foreign currency items shall be converted based on the average inter-bank exchange rate released by the State Bank of Vietnam.

Differences in real exchange rates arising during the business cycle and differences in exchange rates after re-evaluation of the balance of monetary items at the end of year will be recorded in sales or financial costs for the fiscal year.

Short-term investments of less than 3 months can be converted into cash with minimal risk, since such investments were made during the time of preparation of the financial statements.

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

3. Inventories

Inventories are recorded at their original costs.

Net value is recorded where it is lower than the original cost. Original costs of inventories include the cost of buying, processing costs, and other directly related costs arising from adjustments made to bring the inventories to the current positions and conditions.

4. Recording depreciation of fixed assets

Tangible and intangible fixed assets are initially recognized at their cost. Subsequently, the total costs of these fixed assets comprise their historical costs and accumulated depreciation and residual value.

Depreciation of fixed assets is calculated linearly. The estimated lifespan of these assets is as follows:

- Buildings, structures	5 to 10 years
- Machinery and equipment	5 to 8 years
- Means of transportation	6 to 8 years
- Office equipment and devices	3 to 5 years
- Land use rights	41 to 50 years

5. Recording financial investments

Investments in subsidiaries are calculated by using the original costs. Net profit, divided by the subsidiaries and affiliated companies, arising after the date of investment is recorded in the income statement. Other divided profit (except for net profit) is considered as the recovery of investments and is recorded as deductions to the original cost of investment.

Investments in securities at the time of statement are recorded if :

- Withdrawal or maturity period does not exceed three months from the date of purchase, and are considered «cash equivalent»;
- Withdrawal period under one year or within one business cycle, and are classified as short-term assets;
- Withdrawal period over one year or more than one business cycle, and are classified as long-term assets;

Provision for devaluation of investment is made through calculating the difference between the original costs of investments on the accounting ledger and its market value at the time of provision.

6. Recognition and distribution of prepaid expenses

Prepaid expenses related to the production costs of the business in the current fiscal year are recorded as short-term prepaid expenses and included in the business cost of the fiscal year.

7. Recognition of accrued expenses

Based on the principle of ensuring consistency between revenue and costs, actual expenses not incurred yet are deducted in the business costs for the period to ensure that the actual costs do not distort the actual representation of the business costs.

When these expenses arise, if there are any discrepancies to the recognized items, the accountant will record the additional expenses or write-off the cost corresponding to the difference.

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

8. Recognition of owner's capital

The owner's capital will be recorded according to the amount actually invested by the owner.

The difference between the issuance price and nominal value of shares when stock was first released, additionally released or re-released will be recorded as surplus equity.

Fund shares are shares issued by the company and then re-purchased. Fund shares are recorded based on actual value and stated in the balance sheet as an accounting write off equity.

Profit after tax not divided is the profits from the operation of the company less adjustment items caused by the application of retroactive adjustments in changing accounting policy and the retroactive adjustments of key error of previous year.

9. Recognition of Sales

Sales

Sales are recognized when the following conditions are satisfied simultaneously:

- Most of the risks and benefits associated with the goods ownership are transferred to customers;;
- Company no longer holds ownership of the goods as the owner of goods or controller of goods;
- Revenue is determined rather reliably;
- Company has gained or will gain economic benefits from sales;
- Costs related to sales transactions are as determined.

Financial income

Revenue arising from interest, royalties, dividends, profit sharing and cash revenue from other financial activities are recognized when the following two conditions are satisfied simultaneously:

- Ability to gain economic benefits from such transactions;
- Revenue is determined rather reliably.

Dividends and profit shared are recognized when the company has the right to receive dividends or profit from the contribution of capital.

10. Recognition of Financial expenses

Expenses recorded as financial costs are:

- Costs or losses related to financial investment activities;
- Cost of loans and borrowings;
- Losses due to changes in exchange rates of business transactions conducted in foreign currency;
- Provision for depreciation of securities investments.

The above items are recognized as a whole in the period incurred, and are not compensated with income from financial activities.

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

11. Recognition of corporate current income tax and deferred income tax

Corporate current income tax is calculated on the basis of taxable income and the tax rate of corporate income tax in the current year.

Corporate deferred income tax is calculated on the basis of deductible temporary differences, taxable temporary differences and tax rate of corporate income tax.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cash	451,409,331	457,993,298
Cash in bank	37,985,613,661	17,665,445,672
Cash equivalents	55,900,000,000	-
Total	94,337,022,992	18,123,438,970

2. Short-term investments

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Short-term securities investment	22,000,000,000	22,000,000,000
+ 180 Certificates of Ban Viet Securities Investment Fund	18,000,000,000	18,000,000,000
+20.000 Shares of Tan Tien Plastic Joint Stock Company (nominal value: 100.000 VND)	4,000,000,000	4,000,000,000
Other short-term investments	1,000,000,000	-
Provisions for devaluation of short-term investments	(5,600,000,000)	(8,568,181,820)
Total	17,400,000,000	13,431,818,180

3. Other Receivables

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Receivables of personal income tax	-	1,120,995,600
Social security receivable from staff	120,104,871	40,597,475
Advances to suppliers	1,127,582,064	572,880,000
Lendings to Company's Trade Union	150,000,000	150,000,000
Other receivables	21,131,253	55,746,200
Total	1,418,818,188	1,940,219,275

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

4. Inventories

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Goods in transportation	48,864,389,466	-
Materials	81,695,255,330	67,932,349,844
Tools and equipment	1,209,649,032	842,483,834
Cost of production and sales not completed	54,632,446,572	45,142,994,668
Finished goods	67,527,084,149	71,093,994,210
Goods	15,622,104,316	3,764,612,053
Total initial cost of inventories	269,550,928,865	188,776,434,609
Provision for depreciation of inventories	-	-
Net cost that can be used of inventories	269.550.928.865	188.776.434.609

5. Short-term properties

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Advanced	93,230,000	164,355,000
Depositing	28,646,045,830	17,259,702,633
Lack of propeties pending	114,868,162	839,894,762
Total	28,854,143,992	18,263,952,395

(*) Details of deposits at December 31st, 2009 as below:

Bank of deposit	Deposit objectives	Foreign currencies	Amount VND
Commercial Bank – Branch No.06	Deposited for payment in the import of machinery, equipment, materials and component of molds to produce tubes	1,028,869.96 USD	18,458,955,952
Commercial Bank – Branch No.06	Deposited for payment in the import of the remaining equipment to produce tubes		9,560,087,877
Foreign Trade Bank	Deposited for the payment in the import of machinery, equipment, materials		627,002,001
Total			28,646,045,830

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

6. Increases / (decreases) of tangible fixed assets						Unit: VND
	Buildings and Structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment and devices	Total	
Initial cost						
Opening balance	66,762,799,158	307,203,772,893	6,343,922,597	1,764,123,608	382,074,618,256	
Increase	-	85,852,017,586	3,200,174,125	1,927,464,663	90,979,656,374	
- <i>New purchase</i>	-	85,852,017,586	3,200,174,125	1,927,464,663	90,979,656,374	
Decrease	-	346,274,800	-	-	346,274,800	
- <i>Liquidation, sold</i>	-	346,274,800	-	-	346,274,800	
Ending balance	66,762,799,158	392,709,515,679	9,544,096,722	3,691,588,271	472,707,999,830	
Amortization						
Opening balance	34,226,251,791	155,635,299,372	4,313,315,309	1,262,650,135	195,437,516,607	
Depreciation in the year	5,780,573,706	37,668,594,448	494,225,808	223,126,354	44,166,520,316	
Decrease	-	321,274,800	-	-	321,274,800	
- <i>Liquidation, sold</i>	-	321,274,800	-	-	321,274,800	
Ending balance	40,006,825,497	192,982,619,020	4,807,541,117	1,485,776,489	239,282,762,123	
Net book values						
Opening balance	32,536,547,367	151,568,473,521	2,030,607,288	501,473,473	186,637,101,649	
Ending balance	26,755,973,661	199,726,896,659	4,736,555,605	2,205,811,782	233,425,237,707	

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

7. Increases / (decreases) of intangible fixed assets

	Unit: VND
	Land use right
Initial cost	
Opening balance	33,997,873,907
Increases	1,998,311,750
Decreases	-
Ending balance	35,996,185,657
Amortization	
Opening balance	3,103,829,935
Amortization	762,250,680
Decreases	-
Ending balance	3,866,080,615
Net book value	
Opening balance	30,894,043,972
Ending balance	32,130,105,042

8. Construction - in - progress

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Expenses to survey Press-Spray Plant at Song Than	25,470,000	25,470,000
Total	25,470,000	25,470,000

9. Long-term investments

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Other long-term investments	8,155,000,000	8,155,000,000
- Purchased Shares of Danang Plastic Joint Stock Company» (650.000 shares)	8,125,000,000	8,125,000,000
- Government bonds	30,000,000	30,000,000
Provision for devaluation of long-term investments	-	(1,690,000,000)
Total	8,155,000,000	6,465,000,000

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

10. Short-term debts and loans

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Short-term loans	11,260,221,392	48,535,244,221
+ Bank loans (*)	2,370,221,392	43,345,244,221
+ Personal loans (**)	8,890,000,000	5,190,000,000
Total	11,260,221,392	48,535,244,221

(*) Loan from Joint Stock Commercial Bank of industry and Trade of Vietnam – Branch No.6 under the following contracts:

S/N of loan contracts	Interest Rate per year	Tenure month/year	Initial debt (USD)	Initial debt (VND)	Method of loan guarantee
09.340071/HĐTD dated 13/08/2009	3.00%	6 months	40,000	717,640,000	Mortgage deposit accounts
09.340074/HĐTD dated 14/08/2009	3.00%	6 months	92,112	1,652,581,392	Mortgage deposit accounts
Total			132,112	2,370,221,392	

(**) The money that suppliers pay in advance to guarantee themselves of a purchase by deferment according to the statute control of customer debts. Company must pay interest for this money according to the prevailing interest rate of bank deposits.

11. Taxes and other obligations to the State Budget

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Value-added tax	162,066,074	3,563,279,889
Corporate Income Tax	6,203,321,499	1,960,505,003
Personal Income Tax	717,262,987	1,294,724,607
Total	7,082,650,560	6,818,509,499

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

12. Payable costs

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Discount and support costs to customer	4,802,342,633	2,534,838,067
Interest costs	499,207,083	458,967,050
Other payable costs	5,588,000	97,954,076
Total	5,307,137,716	3,091,759,193

13. Other payables

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Excess property pending	41,115,502	1,053,593,509
Trade union expenditures	718,703,728	465,428,667
Social Accountability	57,639,924	-
Dividends payable	335,122,000	335,122,000
Other payables	550,990,905	3,000,000
Total	1,703,572,059	1,857,144,176

14. Property income tax delayed

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Property income tax delayed related to the deductible temporary differences	278,335,931	56,527,813
The amount of property income tax delayed recorded from the previous year	(20,993,923)	-
Property income tax delayed	257,342,008	56,527,813

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

15. Ownership capital

a) The comparison of movements of owners' capital

	Owner capital	Surplus equity	Fund shares	Investment and Development fund	Financial Provision Fund	Other funds by owner	Profit after Tax not dividend yet
Balance at beginning of previous year	140,405,800,000	104,020,925,000	-	102,404,249,703	12,889,415,176	-	54,290,008,046
- Interest for previous year							95,922,984,227
- Dividend paid by shares	28,081,160,000						(28,081,160,000)
- Purchase of fund shares			(10,000)				
- Dividend profit	1,071,800,000	-	-	32,609,318,094	6,300,000,000	-	(50,486,118,094)
+ Draw to Investment and Development fund				32,609,318,094			(32,609,318,094)
+ Draw to financial provision fund					6,300,000,000		(6,300,000,000)
+ Draw to bonus and welfare fund							(10,505,000,000)
+ Bonus to ESOP	1,071,800,000						(1,071,800,000)
- Dividend shares							(16,955,875,000)
- Other deductions						-	(2,242,169,952)
Balance at end of previous year	169,558,760,000	104,020,925,000	(10,000)	135,013,567,797	19,189,415,176	-	52,447,669,227

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

The comparison of movements of owners' capital (continued)

	Owner capital	Surplus equity	Fund shares	Investment and Development fund	Financial Provision Fund	Other funds by owner	Profit after Tax not dividend yet
- Interest for current year							249,919,254,416
- Increase in capital for current year	3,215,400,000	1,592,782,700					
- Bonus shares	173,845,960,000	(104,020,925,000)		(69,825,035,000)			
- Distribution of profit	1,071,800,000	-	-	65,675,695,805	(703,850,789)	16,796,149,211	(100,791,794,227)
+ Draw to Investment and Development fund				65,675,695,805			(65,675,695,805)
+ Draw to bonus and welfare fund							(17,300,000,000)
+ Receipt of the excess of financial provision fund					(703,850,789)		703,850,789
+ Draw other funds to owner						16,796,149,211	(16,796,149,211)
+ Bonus to ESOP	1,071,800,000						(1,071,800,000)
+ Bonus to The Board of Director and Control Committee in the year 2008							(652,000,000)
- Stock dividend							(42,550,457,500)
- Selling of fund stocks			10,000				-
- Awards to customers							(2,550,300,000)
Balance at the end of year	347,691,920,000	1,592,782,700	-	130,864,228,602	18,485,564,387	16,796,149,211	156,474,371,916

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

b) Details of capital contribution by the owners

	31/12/2009	%	01/01/2009	%
	VND		VND	
Capital contributed by the State	101,526,960,000	29	53,426,680,000	32
Capital contributed by others	246,164,960,000	71	116,132,080,000	68
Total	347,691,920,000	100	169,558,760,000	100

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits

	Current year	Previous year
	VND	VND
Capital contributed by the owner		
Capital contributed at beginning of the year	169,558,760,000	140,405,800,000
Capital contributed increasing during the year	178,133,160,000	29,152,960,000
Capital contributed decreasing during the year	-	-
Capital contributed at end of the year	347,691,920,000	169,558,760,000
Dividends, division of profits	42,550,457,500	45,037,035,000
<i>Including:</i>		
+ Cash	42,550,457,500	16,955,875,000
+ Shares	-	28,081,160,000

d) Shares

	31/12/2009	01/01/2009
Number of shares registered to be issued	17,598,956	17,598,956
Number of shares already sold to the public	34,769,192	16,955,876
- Common shares	34,769,192	16,955,876
Number of shares repurchased	-	1
- Common shares	-	1
Number of shares in circulation	17,384,596	16,955,875
- Common shares	17,384,596	16,955,875

- Nominal value of shares in circulation: 10,000 VND

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT

	Current year	Previous year
	VND	VND
1. Sales	1,156,149,641,356	831,577,610,647
Including:		
- Sales of goods	1,155,079,648,215	821,830,727,783
- Sales of merchandise and materials	1,069,993,141	9,746,882,864
2. Sales deductions	12,995,957,619	10,613,629,141
Including:		
- Trade discount	11,286,962,766	10,081,194,710
- Sales returns	1,692,903,886	334,755,115
- Sales discount	16,090,967	197,679,316
3. Net sales	1,143,153,683,737	820,963,981,506
Net sales of goods	1,142,517,518,024	811,480,790,147
Net sales of merchandise and materials	636,165,713	9,483,191,359
4. Cost of sales		
	Current year	Previous year
	VND	VND
Cost of finished goods, materials and merchandise sold	806,347,768,324	633,926,705,992
Deduction and loss in inventories	255,670,145	-
Total	806,603,438,469	633,926,705,992
5. Financial Income		
	Current year	Previous year
	VND	VND
Deposit and loan interest	3,282,325,450	1,302,050,893
Dividends, division of profits	850,000,000	80,000,000
Earnings from difference in foreign currency exchange rate	41,494,521	250,722,223
Total	4,173,819,971	1,632,773,116

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

6. Financial expenses

	Current year	Previous year
	VND	VND
Interest expenses	2,229,277,877	10,235,582,959
Loss from difference in foreign currency exchange rate (Completed transactions)	2,403,665,382	1,599,820,088
Loss from difference in foreign currency exchange rate (Incomplete transactions)	91,410,138	-
Discount payment	3,282,093,492	1,680,043,106
Return to provision of financial investment	(4,658,181,820)	10,258,181,820
Total	3,348,265,069	23,773,627,973

7. Cost of current corporate income tax

Corporate income tax payable is 25% of taxable income.

According to circular No. 128/2003/TT-BTC dated 22nd December 2003, the parent Company will enjoy 2 years of corporate income tax exemption in the year 2004 and 2005 and will subsequently be taxed at a rate of 50% for the next 3 years, from 2006 to 2008.

Furthermore, according to regulations of the State, joint-stock companies listed on the stock market before 1st January 2007 will enjoy a 50% reduction in corporate income tax for the next 2 years after the period of exemption. Hence for 2009, the Company is still enjoying a 50% deduction in corporate income tax payable.

Tax settlement of the Company will be controlled by the tax agency. By applying the laws and regulations on taxes for many different types of transactions which can be explained in several ways, the tax presented on the financial statements can be changed by decision of the tax agency.

	Current year	Previous year
	VND	VND
Cost of current corporate income tax	35,445,777,279	18,266,484,649

8. Cost of corporate income tax delayed

	Current year	Previous year
	VND	VND
Cost of corporate income tax delayed arising from return of assets in income tax delayed	20,993,923	-
Cost of corporate income tax delayed arising from the differences of temporary deductibles	(221,808,118)	(56,527,813)
Total	(200,814,195)	(56,527,813)

Notes to the consolidated financial statements (continued)

Year 2009

9. Earning per shares

	Current year VND	Previous year VND
Accounting profit after corporate income tax	249,919,254,416	95,922,984,227
Increased and decreased adjustment items of accounting profit to determine profit or loss allocated to shareholders' common shares	-	-
- Increased adjustment items	-	-
- Decreased adjustment items	-	-
Profit or loss allocated to shareholders' common shares	249,919,254,416	95,922,984,227
Average common shares in circulation for the period	34,492,580	32,764,896
Earning per shares	7,246	2,928

10. Production and business costs by element

	Current year VND	Previous year VND
Raw material cost	674,907,305,858	626,883,718,200
Labour cost	60,553,456,450	48,741,115,309
Depreciation cost	44,928,770,996	34,014,454,330
Outside service cost	37,621,509,826	30,780,678,956
Other costs in cash	14,970,948,800	19,034,726,596
Total	832,981,991,930	759,454,693,391

VII. OTHER INFORMATION

Data comparison

Data comparison is from consolidated financial statement ended 31st December 2008, audited by Auditing and Accounting Financial Consulting Company (AFC).

Prepared by

Chief Accountant

General Director



Phung Huu Luan



Trang Thi Kieu Hau



Le Quang Doanh

Ho Chi Minh City – 20th January 2010

Interpretation to the financial statements and audited report

Dear Shareholders

The Control Board, comprising 3 elected members, was elected by the Annual Shareholders' Meeting in 2008 for a five-year term from 2008 to 2013. All members are now working at Binh Minh Plastics Joint Stock Company and have been trained in internal audit work. At the end of the work year, the Control Board will inform the Shareholders of the following:

ACTIVITIES OF THE CONTROL BOARD IN 2009

In 2009, all members of the Control Board attended six regular meetings for:

Inspection and assessment of the observance of laws, policies and financial regimes, accounting, revenue management, and costs through the inspection of the Company's quarterly and annual financial statements.

Examination of the implementation of resolutions of the Board for mobilizing and using capital, and the implementation of investment projects.

Updates on the previous quarter's business situation and planning for the next quarter.

Commentary on the operation of the Control Board and the Company's activities.

Check the implementation of rules and resolutions passed during the Annual Shareholders' Meeting in 2009.

Members of the Control Board had participated in one of the periodic inventory checks conducted on 1st July 2009 and 1st January 2010.

Control Board ensures the adherence of functions, responsibilities and authorities that are stipulated in the Charter of the Organization and operation of Binh Minh Plastics JSC.



RESULTS OF CHECKING THE IMPLEMENTATION OF CHARTER AND RESOLUTION APPROVED BY SHAREHOLDERS' MEETING IN 2009

Business activities, pay dividends, remuneration: It is noteworthy that the Company has been able to increase its revenue in 2009, given that the country has not fully recovered economically in that time.

The initial outlook for consumption for the first two months of the year was not promising, with production reaching just over 80% as compared to the same period in 2008. However, in the closing months of 2009, monthly consumption increased significantly by 128% year-on-year, with sales also increasing 139%.

No	Target	Resolution No.	In fact	Rate %
1	Revenue	820 bil	1.143 bil	139
2	Profit before Tax	105 bil	285 bil	271
3	Dividend Shares	20%	15%	75
4	Compensation for Board of Director and Control Board	1,5% total of salary	1,5% Total of salary	100
5	Bonus for Board of Director and Control Board	Not over compensation	Not over compensation	100

This result was achieved through the efforts put in by all staff of the Company, together with the creativity of the Board of Directors in the leading and executing of company policies which was key to the success of the Company.

Compared with the targets approved by the Shareholders' Meeting in 2009 dated on 17th April 2009, data was collated as follows:

Financial Activities

The company has compliance with the provisions of the Accounting Law, Tax law and other provisions of the laws of Vietnam. Clauses for accounting transparency and clarity are as follows:



Interpretation to the financial statements and audited report

Capital source: Owner's capital as of 31st December 2009 is 347,691,920,000 VND, an increase of 105% compared to early 2009, as a result of:

Issuing of bonus shares to existing shareholders in a ratio of 1:1 with surplus resources, equity funds and investment funds for development as of 31st December 2008 under decision No. 24/QD-BMP/DHCD/2010 issued by Binh Minh Plastics JSC Shareholders' Meeting dated 22nd January 2010.

Issuing of shares equal to 3% of chartered capital in 2006 under a stock incentive program for employees in Northern Binh Minh Plastics, following resolutions passed during the Shareholders' Meeting in 2006 and the Board on 8th July 2009.

Adding of 2% of ESOP shares issued in 2008 (including 1% bonus shares) in accordance with resolutions passed during the Shareholders' Meeting in 2006.

The deduction of funds is set up to comply with the resolution passed during the Shareholders' Meeting in 2009.

The Company had controlled and used effective loans. Currently, the total payable debt is 145 billion VND of a total property value of 831 billion. Debt is mainly short-term, and long-term debt is not significant.

Management and control of money, sales, costs

The control of accounts of receivables is carried out strictly in accordance with the provisions of the Company, and deductions from the reserves for receivables are in accordance with the provisions of the State.

The Company's activities shall comply with the quality management system ISO 9001:2000 in order to ensure that costs are well controlled.

Investment activities:

Financial investment: Except for the investment items in previous years, no further financial investment was made in 2009.

Investment in Property: In 2009, the company invested in machinery, models, and workshops to enhance production capacity. The total value of the investment was 90.889 billion VND. All the investment projects are adopted by the Board in accordance with the provisions of the Charter.

Distribution of bonus shares ESOP

In 2009, the company conducted the ESOP distribution of a total of 107,180 bonus shares to staff.



Voting was based on the contributions of individuals and proceeded from the production team under decision No. 602/QD-BM/HDQT/2006 of the Board dated 11th January 2006 on promulgating regulations for the award of ESOP stock and by resolution of the Shareholders' Meeting on 10th June 2006.

The year 2009 was the first year that the company carried out the incentive stock program for the employees of Binh Minh Plastics Northern with a total of 321,540 shares to be given out within three years (2008-2011) by resolution of the Shareholders' Meeting on 10th June 2006.

TRANSACTIONS OF SHARES BY COMPANY MEMBERS

In 2009, shareholders of the following transactions were compliant with the internal regulations of the State Securities Commissioner:

Mr. Nguyen Hoang Ngan – Vice-Chairman and Deputy General Director, sold 60,000 shares, and also held 101,854 shares.

Mrs. Nguyen Thi Kim Yen - Board Member and Deputy General Director, sold 30,000 shares and also held 69,112 shares.

AUDIT REPORT 2009

The audit unit of the company in 2009 is AASCN, one of four auditing parties approved by the Shareholders' Meeting in 2009. After reviewing the audit reports, we agreed with the data and conclusions of the audit unit.

Dear Shareholders,

Binh Minh Plastics is one of the most prestigious brands in the production and trade of plastic pipes in Vietnam.

With the increasing supplementation and modernization of our machinery, coupled with the interest to invest in our labor force, the improved production and business results of 2009 showed that the Board is taking the Company in the right direction together with its employees.

Binh Minh Plastics is certain that it will overcome all difficulties and continue with its sustainable development with the building up of its potential, efforts from its workers as well as support from its Shareholders.

*On behalf of the CONTROL BOARD
Head of Control Board
Nguyen Thi Phuong Nga*



Factory 1

Address: 240 Hau Giang, Ward 9, District 6, HCM City.

Tel.: 08 39690973

Branch of Binh Minh Plastics in Binh Duong

Address: No. 7, Street 2, Song Than Industrial Zone,

Di An Town, Binh Duong Province.

Tel.: 08 38968456

This is Binh Minh Plastics' main factory in the South, which is well equipped with modern machinery imported from the European countries like Germany, Italy, and Austria. Construction area accounts for 45,000 square meters of a total area of 50,000 square meters.



Branches and Related Companies

Binh Minh Plastics Northern One Member Limited Liability Company

Street D1, Lot D, Pho Noi A
Industrial Zone, Van Lam
District, Hung Yen Province.
Tel.: 0321 3967 868



This company has a chartered capital of VND 100 billion while its book value is VND155 billion as per the transfer decision of the Board of Management dated 6th October 2008. Binh Minh Plastics Northern operates a modern production line with a capacity of 20,000 tons per year. The factory and workshop are newly built in an area of 20,000 square meters, out of a total of 40,000 square meters of the Pho Noi A Industrial Zone, Hung Yen Province.

Binh Minh Plastics Northern was faced with many difficulties during its first days of operations in 2008. The Company was not well-recognized in the North, and had a distribution network of only 22 outlets. The economic decline created more challenges for the Company's business, resulting in a cumulative loss of VND 14.4 billion.

In 2009, with the support from its parent company, Binh Minh Plastics Northern started showing initial successes: the distribution network was expanded to 36 outlets located in 16 northern provinces, gaining a turnover of VND91 billion with an output of 2,430 tons. Most importantly, the Company quickly came back into the black, showing a profit of VND 8 billion.

With Binh Minh Plastics' resources and the economic potential of the Northern area, we believe that Binh Minh Northern has a bright future as the construction materials and real estate markets recover.

Shareholder Information

This is as per the shareholder list provided by Vietnam Securities Deposit Center, HCM City Branch on 30 December 2009.

SHAREHOLDER STRUCTURE

Shareholder structure	Number of shares	Stake %
State shareholders	5,076,348	30.32%
Board of Management, Board of Supervisors	648,028	3.87%
Foreign individuals	119,338	0.71%
Foreign organizations	7,936,602	47.41%
Local individuals	2,024,763	12.09%
Local organizations	936,436	5.59%
Total	16,741,516	100%

MAJORITY SHAREHOLDERS:

holding over 2% stake

No.	Shareholder	Type	Number of shares	stake %
1.	SSI vision fund (SSIVF)	Local organization	407,150	2.43%
2.	state capital investment corporation (SCIC)	State shareholder	5,076,348	30.32%
3.	Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	Foreign organization	391,392	2.34%
4.	Jf Vietnam Opportunities Fund	Foreign organization	471,960	2.82%
5.	Pxp Vietnam Fund	Foreign organization	525,000	3.14%
6.	Citigroup Global Markets Financial Products Llc	Foreign organization	446,836	2.67%
7.	Vietnam Holding Ltd	Foreign organization	1,072,234	6.40%
8.	Citigroup Global Markets Ltd	Foreign organization	496,336	2.96%
9.	Kitmc Worldwide Vietnam	Foreign organization	642,612	3.84%
	Total		9,529,868	56.92%

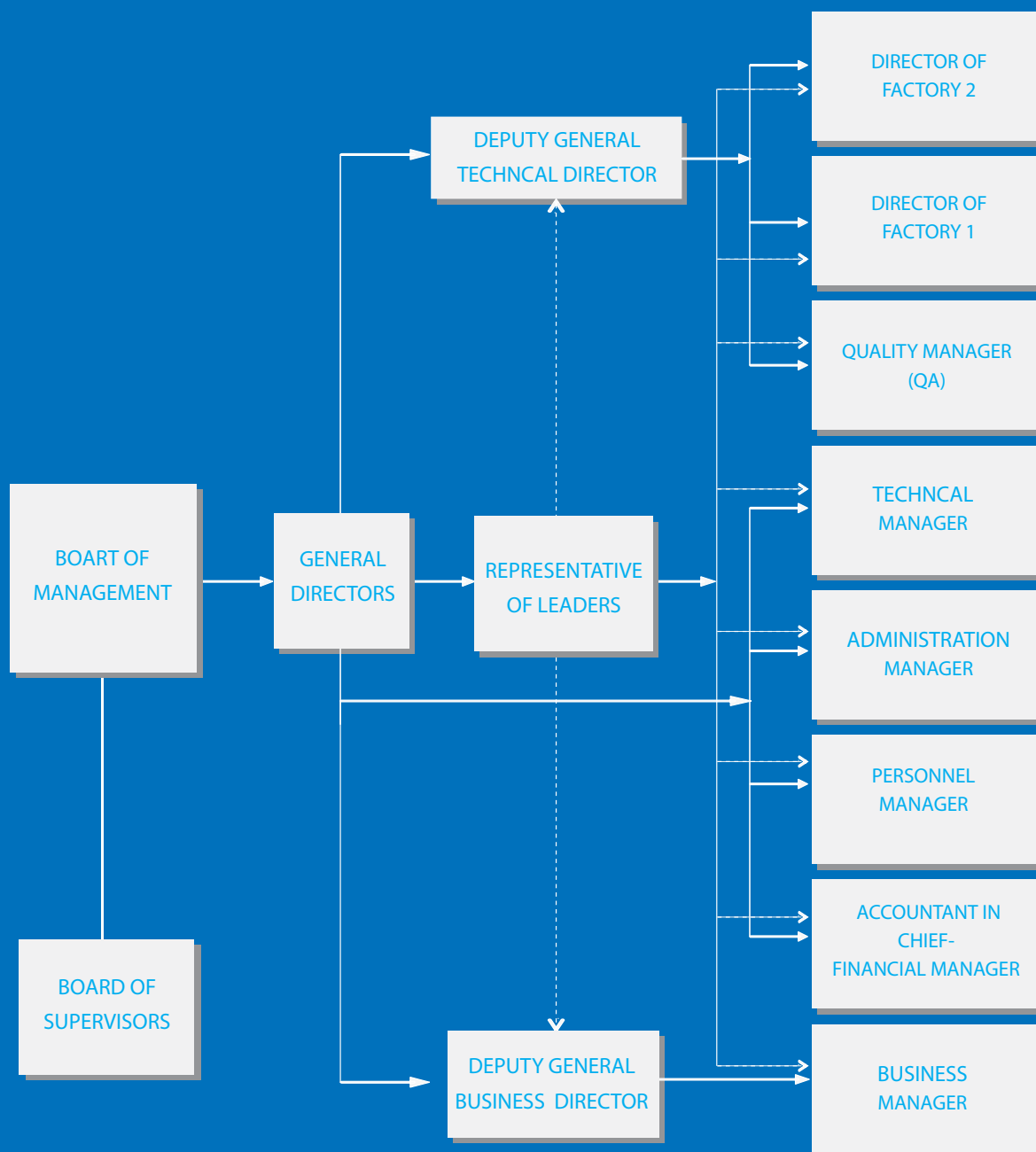
Transactions of majority shareholders in 2009

No.	Name	Relation	Quantity before transaction	Transaction	Quantity of the transaction	Quantity after transaction	Time of transaction
1.	Citigroup Global Market Ltd (CGML) and Citigroup Global MarketFinancial Products Ltd (CGMFP)	Majority shareholder	840,952	Buy	12,000	852,952	10/04/2009
2.		Majority shareholder	872,642	Sell	31,800	840,842	29/05/2009
3.		Majority shareholder	826,262	Mua	60,000	886,262	15/09/2009
4.	Nguyen Boi Ngoc Chu	Member and Deputy General Director		Sell	3,400		25/05/2009
5.	Nguyen Thi Kim Yen	Member, Deputy General Director	99,112	Sell	30,000	69,112	07/08/2009 to 12/08/2009
6.	Trang Nhu Ha	Sister of Member, Chief Accountant	9,972	Sell	9,970	2	30/10/2009 to 09/11/2009
7.	Nguyen Hong Ngan	Vice Chairman, Deputy General Director	161,854	Sell	60,000	101,854	25/12/2009
8.	Nguyen Thi Bich	Wife of Vice Chairman	6,000	Buy	60,000	66,000	25/12/2009

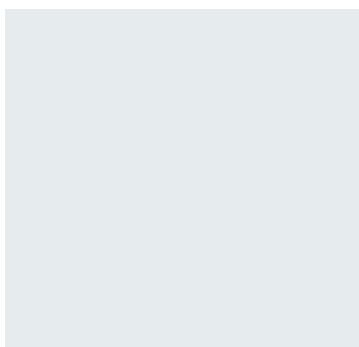


The Company's Organizational structure

The Company currently has a total staff strength of 463, including the senior management. The Company provides good labor policies and practices to all workers in accordance with Labor Law.



Board of Management



- 1
- 2 3
- 4 5

1. Mr. Le Quang Doanh

Chairman & General Director

Born 1952

Qualifications:

Mechanical Engineer

Contributions: Mr. Le Quang Doanh started working at Binh Minh Plastics in 1979 as a Vice-Factory Manager. In 1987 he was appointed as a Deputy Director, and later a Director of the Company in 1996. In 2004 when the Company was equitized, he was appointed as the Chairman, as well as the General Director; keeping both positions to date.

2. Mr. Nguyen Hoang Ngan

Member of the Board of Management

Deputy General Director

Director of Binh Minh Plastics Northern

Born 1962

Qualifications:

Mechanical Engineer, Master of Business Administration

Contributions: Mr.

Nguyen Hoang Ngan joined the Company in 1988. He was appointed Assistant-Manager in 1989, and was subsequently promoted Manager of the Technical Department in 1991. He became Deputy Director of the Company in 1997 and in 2004, was appointed as Vice-Chairman. In 2007, he was assigned an additional leadership role as Director of Binh Minh Plastics Northern.

3. Ms. Nguyen Thi Kim Yen

Member of the Board of Management

Deputy General Director

Head of Business Department

Born 1960

Qualifications:

Bachelor of Industrial Economics, Bachelor of Business Administration

Contributions:

Ms. Nguyen Thi Kim Yen started working at for the Company in 1981. In 1988, she was appointed Assistant-Manager, and in 2003 the Manager of the Business Department. In 2006, she became Head of Business Department as well as the Deputy Business Director, a member of the Board of Management.

4. Ms. Trang Thi Kieu Hau

Chief Accountant

Contributions:

Born 1959

Qualifications:

Bachelor of Finance and Accounting

Member of the Board of Management

Ms. Trang Thi Kieu Hau started working at the Company in 1985. In 1988, she was appointed Assistant-Manager of the Financial Department, later becoming the Chief Accountant and in 1994, Head of the Department. She has been a Member of the Board of Management, Chief Accountant, and Head of the Financial Department since 2004.

5. Mr. Bui Quang Khoi

Member of Board of Management

Factory Manager

Born 1960

Qualifications:

Mechanical engineer, Bachelor of Economics

Contributions:

Mr. Bui Quang Khoi started working at the Company in 1993. In 1997, he was appointed Assistant-Factory Manager. In 1999, he was assigned to be the Manager of Factory 2. He became a member of the Board of Management in 2004.

Board of Supervisors



1

2

3



1. Ms. Nguyen Thi Phuong Nga

Member of the Board of Supervisors

Assistant-Manager of the Business Department

born 1963

Qualifications: Bachelor of Economics

Contributions: Ms. Nguyen Thi Phuong Nga has been working at the Company since 1982. In 1999, she was appointed the Assistant-Manager of the Business Department. In 2004, she became a member of the Board of Supervisors, assume the position of Chief Supervisor in 2009.

2. Ms. Dinh Thi Nguyet Ha

Member of the Board of Supervisors

Accountant

born 1959

Qualifications: Bachelor of Economics

Contributions: Ms. Dinh Thi Nguyet Ha started her job at Binh Minh Plastics in 1979. She became a member of the Board of Supervisors in 2004, working at the Finance and Accounts Department.

3. Mr. Nguyen Kim Thuong

Member of Board of Supervisors

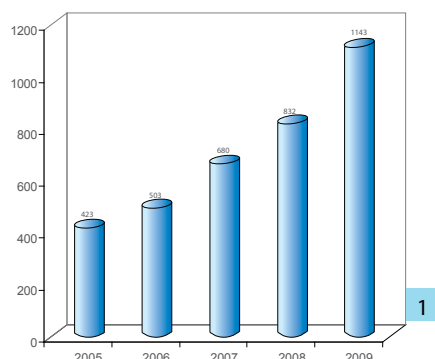
Head of Technical Department

born 1959

Qualifications:

Electronic Engineer, Bachelor of English

Contributions: Mr. Nguyen Kim Thuong started his job at the Company in 1993. In 1997, he was appointed as Assistant-Manager, then Manager of the Technical Department. He became a member of the Board of Supervisors in 2004.



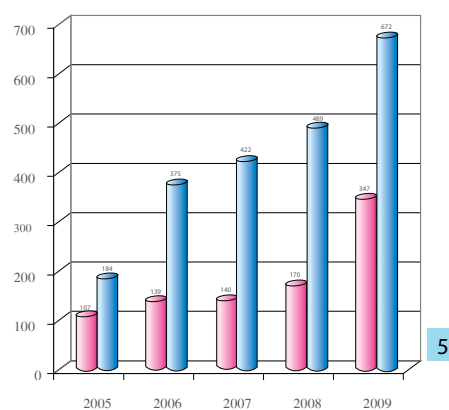
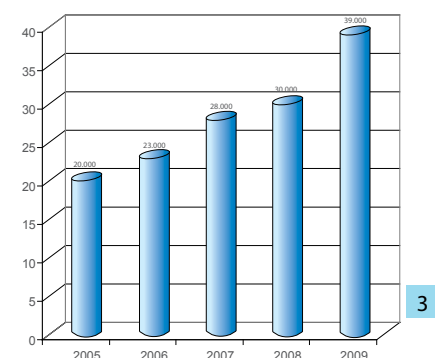
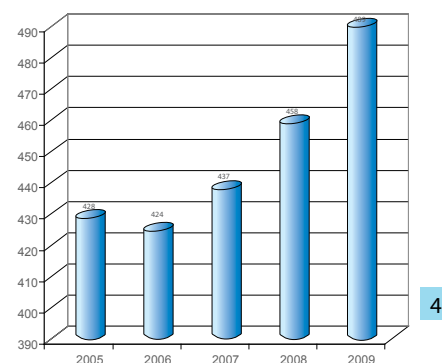
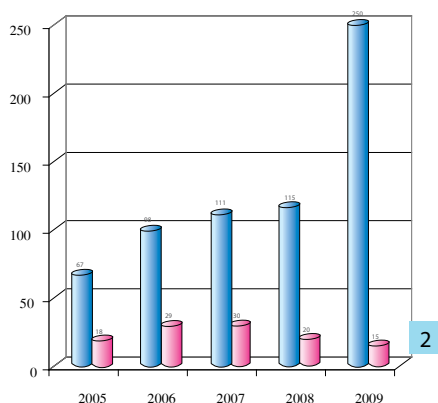
1. Turnover

2. Dividend - Profit

3. Output

4. Labour

5. Charter Capital - Equity



Explanation	2005	2006	2007	2008	2009
Turnover (billion/VND)	423	503	680	832	1143
Profit (billion/VND)	67	98	111	115	250
Output (ton)	20.000	23.000	28.000	30.000	39.000
Labour (person)	428	424	437	458	489
Charter Capital (billion/VND)	107	139	140	170	347
Equity (billion/VND)	184	375	422	489	672
Dividend	18	29	30	20	15







NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang - Phường 9 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84) 8 3969 0973 - Fax: (84) 8 3960 6814

www.binhminhplastic.com